TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-PT
Ngày: 27/6/2019
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/5/2019 và ngày 27/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLPT-DS ngày 04/3/2019, về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2019/QĐPT-DS ngày 06/5/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 28/2019/QĐPT-DS ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị M - sinh năm: 1960; Địa chỉ: K80/5 đường H, tổ 56, phường Hòa Hải, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Mật: Ông Nguyễn Cao H - sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số 61 đường Nguyễn H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2019), (có mặt trong ngày 29/5/2019). Ngày 10/6/2019, bà Trần Thị M chấm dứt ủy quyền đối với ông Nguyễn Cao H.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị M:

- Ông Nguyễn Thành T - Luật sư của Văn phòng luật sư Đồng T thuộc đoàn

luật sư Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 63 đường Hoàng Văn T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phần tuyên án.

- Ông Nguyễn Cao H - Luật sư của Công ty TNHH luật Bảo N thuộc đoàn luật sư Hà Nội. Địa chỉ: Số 61 đường Nguyễn H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phần tuyên án.

1.2. Bà Trần Thị Xê - sinh năm: 1965; Địa chỉ: Tổ 58, phường Hòa H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phần tuyên án.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Xê: Ông Trương Hồng V - sinh năm: 1995; Địa chỉ: H6/5 K351 đường Nguyễn Phước N, quận T, thành phố Đà Nẵng, (theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019). Vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị N - sinh năm: 1959;

2.2. Bà Trần Thị Ti N - sinh năm: 1984;

2.3. Ông Trần Nguyễn K - sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: Số 42 đường N, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ông Trần Nguyễn Khoa, bà Trần Thị Ti Na ủy quyền cho bà Nguyễn Thị N, (theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H - sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số 157 đường Lê Văn H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. Người làm chứng*:*

4.1. Ông Trần Thanh S - sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ 60, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4.2. Ông Trần Minh T - sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ 63, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4.3. Ông Trần Văn T - sinh năm: 1954; Địa chỉ: Số 153 đường Nguyễn Phan V, tổ 73 Lộc Phước, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa ngày 29/5/2019, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/6/2019.

4.4. Ông Trần Văn C - sinh năm: 1947; Địa chỉ: Tổ 41, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4.5. Ông Đặng Quang C - sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ 58, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4.6. Ông Võ T - sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ 52, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. Người giám định: Công ty Cổ phần Thẩm định giá và tư vấn V - Văn phòng Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 163 đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị M và bà Trần Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị X trình bày:*

Ông Trần Đ (chết năm 2009) và bà Huỳnh Thị C (chết năm 1993) sinh được 12 người con gồm: Trần Thị G (chết, không có chồng con); Trần Văn N (chết năm 1965, không có vợ con); Trần Thị M (chết, không có chồng con); Trần Thị T (chết, không có chồng con); Trần Thị R (chết năm 1967, không có chồng con); Trần Văn C (chết, không có vợ con); Trần Văn B (chết năm 1967, không có vợ con); Trần Thị H; Trần Thị C (chết, không có chồng con); Trần Văn M (chết năm 2001) có vợ Nguyễn Thị N và 02 con: Trần Thị Ti N, Trần Nguyễn K; Trần Thị M; Trần Thị X. Ngoài ra, không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Lúc còn sống ông Đ và bà C có tạo lập được 01 ngôi nhà và 1049.7m^2 đất tại K80 đường H, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng được UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp giấy chứng nhận số AĐ 714380 ngày 20/6/2006. Hiện tại, nhà và đất này đang dùng để thờ cúng cha mẹ và các anh chị.

Khi cha mẹ chết đều không để lại di chúc, quá trình giải quyết việc phân chia tài sản giữa các anh chị em không có kết quả nên vào ngày 20/4/2017 tại UBND phường Hòa Hải đã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Nay nguyên đơn yêu cầu phân chia phần di sản của ông Trần Đ và bà Huỳnh Thị C thành 5 phần, cụ thể: Phần đang có nhà ở sẽ được sẽ sử dụng để làm nhà thờ (giao cho bà Mật thờ cúng); 01 phần chia cho vợ và con của ông Trần Văn M; 03 phần còn lại chia cho Trần Thị H, Trần Thị M, Trần Thị X.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Nguyễn K về việc: "Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 21/6/2006 của ông Trần Đ và chia di sản thừa kế còn lại theo quy định của pháp luật". Bà M và bà X không đồng ý vì các lý do sau:

Thứ nhất: Ông Trần Đ không biết chữ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 (khoản 3 Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015) thì di chúc phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực. Nhưng người làm chứng viết bản di chúc là ông Đặng Quang C (con trai của bà Trần Thị X, cháu ngoại ông Trần Đ thuộc hàng thừa kế thứ 2 của ông Trần Đ) nên căn cứ Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 632 Bộ luật dân sự năm 2015) thì người thừa kế theo pháp luật không được làm người làm chứng.

Bên cạnh đó di chúc mà bị đơn cung cấp được lập ngày 21/6/2006, đến ngày 19/9/2009 ông Trần Đ qua đời, như vậy không có lý do gì mà sau 03 năm di chúc không được mang đi công chứng, chứng thực.

Thứ hai: Ông Trần Đ không biết chữ nhưng trong di chúc lại ký tên mà không điểm chỉ là điều bất hợp lý.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn V - Văn phòng Đà Nẵng, tổng tài sản có giá trị 7.210.639.000đồng.

** Bà Trần Thị M nhất trí theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị X.*

** Đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn, bà Nguyễn Thị N trình bày*:

Với tư cách là bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn ông Trần Nguyễn K và bà Trần Thị Ti N, tôi trình bày về việc khởi kiện "Chia di sản thừa kế" của bà Trần Thị M, bà Trần Thị X và yêu cầu phản tố của ông Trần Nguyễn K như sau:

Về các đồng thừa kế của ông Trần Đ và bà Huỳnh Thị C thống nhất như nguyên đơn đã trình bày.

Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là của ông Trần Đ (chết năm 2009) và bà Huỳnh Thị C (chết năm 1993) được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 864846 ngày 24/4/1995 với diện tích 1.200m^2.

Ngày 15/3/2005, cha chồng tôi đã gọi 03 người con gái là Trần Thị H, Trần Thị M và Trần Thị X để trình bày ý nguyện của ông là để toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất nói trên cho các cháu nội là Trần Nguyễn K và Trần Thị Ti N. Việc truyền lại ý nguyện và được cha chồng tôi xem là di chúc này được lập thành văn bản có bà Trần Thị H và bà Trần Thị X ký vào bản di chúc (riêng bà Trần Thị M không ký).

Do lo sợ về việc để lại di chúc trước đây không được các con gái thực hiện, nên ngày 21/6/2006 cha chồng tôi đã tiếp tục lập một bản di chúc mới với nguyện vọng để lại toàn bộ tài sản là 1094.7m^2 đất và tài sản trên đất tại giấy chứng nhận số AĐ 714380 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 20/6/2006 lại cho cháu nội trai duy nhất là Trần Nguyễn K (tức con trai tôi). Bản di chúc này do cháu ngoại của ông là Đặng Quang C (con của bà Trần Thị X) viết hộ theo ý chí của cha chồng tôi có sự chứng kiến của đại diện gia tộc là ông Trần Thanh S và ông Trần Kim H.

Nay, đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị M và bà Trần Thị X thì chúng tôi thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận di chúc lập ngày 21/6/2006 của ông Trần Đ và chia di sản còn lại theo quy định của pháp luật. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên được quyền xác lập quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của phần mình theo quy định của pháp luật.

Riêng kỷ phần của bà Trần Thị Ti N và tôi được nhận thì chúng tôi thống nhất nhượng lại cho con trai là Trần Nguyễn K theo đúng như tâm huyết của cha chồng tôi.

Ngoài ra, đối với 01 phần di chúc của ông Trần Đ rằng: "Nếu sau này cháu K gặp khó khăn là phải bán đi tài sản đó để giải quyết khó khăn thì phải để lại một phần để làm nhà thờ ông, bà với diện tích phải được 200m^2. Hoặc nhà nước có giải tỏa thì cũng phải mua lại lô đất làm nhà thờ". Tuy nhiên, ngôi nhà của cha mẹ chồng tôi cũng chính là nhà thờ của gia đình hiện nay đã xuống cấp nên việc thờ tự ông, bà và các anh chị của chồng tôi đã được Trần Nguyễn K rước về thờ tự nghiêm trang tại số nhà 42 đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án giao cho con trai tôi là Trần Nguyễn K tiếp tục lo việc thờ cúng ông, bà sau này và đề nghị trích ra một phần giá trị tài sản tương đương với giá trị 100m^2 của ông Đ và bà C để giao cho cô Trần Thị H đại diện đứng tên gửi vào Ngân hàng để lo việc thờ cúng.

Đối với kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần Thẩm định giá và tư vấn V có tổng giá trị tài sản 7.210.639.000đồng (bảy tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) chúng tôi đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:*

Tôi thừa nhận phần những người thừa kế và nguồn gốc tài sản đang tranh chấp như trình bày của nguyên đơn. Về việc khởi kiện "Chia di sản thừa kế" của bà Trần Thị M, bà Trần Thị X và yêu cầu phản tố của ông Trần Nguyễn K, ý kiến của tôi như sau:

Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là của ông Trần Đ (chết năm 2009) và bà Huỳnh Thị C (chết năm 1993) được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 864846 ngày 24/4/1995 với diện tích 1.200m^2. Sau đó đổi lại giấy chứng nhận số AĐ 714380 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 20/6/2006 với diện 1094.7m^2.

Cha, mẹ sinh tất cả là 12 người con nhưng đến sau ngày giải phóng chỉ còn lại 04 chị em. Tôi là người con gái lớn nhất trong số các chị em còn lại. Lúc sinh thời, cha tôi luôn lo lắng việc thờ tự ông, bà và thường xuyên dặn tôi sau này tài sản của ông để lại phải giao cho cháu K quản lý sử dụng và tiếp tục lo việc thờ cúng ông, bà. Ông đã hai lần lập di chúc, ông không nghĩ rằng trong số các con của mình lại có người muốn làm ngược lại ý nguyện của ông. Lý do, ông lập lại di chúc lần thứ hai là do nhà nước cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới diện tích có khác với bìa đỏ trước đây nên ông đã nhờ chính con của bà Trần Thị X là người thường ở tại nhà viết hộ và nhờ đại diện gia tộc là các ông Trần Kim H và ông Trần Thanh S (L) làm chứng xác nhận di chúc của ông. Việc này cả tôi, các em và bà con tộc họ ai cũng đều biết.

Trước đây, đã có lần ông gọi tất cả chị em tôi lên phường để ký xác nhận việc ông để lại tài sản cho cháu K nhưng lúc lên phường thì tôi và bà X đồng ý ký vào giấy thỏa thuận để lại tài sản nhưng riêng bà Mật thì không chịu ký và nói rằng để Khoa đủ 18 tuổi mới ký.

Ngay trước lúc chết, có biết bao nhiêu chuyện muốn dặn dò con cháu nhưng ông chỉ dặn lại không được tranh giành nhà, cửa, đất đai với cháu Khoa.

Trước đây, cha tôi là người rất cần cù, rất giỏi trong việc làm ăn, miệt mài vì các con. Tài sản của ông không chỉ là tài sản đang tranh chấp hiện nay mà trước đó ông đã từng chia cho chị em tôi mỗi người một thửa đất từ nhiều vị trí khác nhau, ngôi nhà của bà Trần Thị M hiện nay đang ở bên cạnh nhà của ông gần 400m^2 cũng là do chính ông cho. Nhưng nay vì phát sinh lòng tham mà bà M và bà X bất chấp tâm nguyện của cha tranh dành nhà đất để xảy ra vụ kiện này.

Đối với ý kiến cho rằng ông Đ là người không biết chữ, tôi kiên quyết phản đối. Vì trước đây, cha tôi còn cho những người hàng xóm vay tiền, trong thời gian làm nhà thờ tộc ông là người đi vận động con cháu góp tiền để xây dựng nhà thờ tộc Trần và ông là người ghi chép việc thu chi cho tộc.

Nay với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M, bà Trần Thị X. Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 21/6/2006 của ông Trần Đ và chia di sản thừa kế còn lại theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình sống, tôi biết và ghi nhận công sức của em tôi là Trần Văn M (đã chết) đối với gia đình. Cháu K luôn thể hiện là người có trách nhiệm và luôn xứng đáng với sự tin tưởng của cha tôi nên tôi đề nghị giao cho cháu K (là cháu nội trai duy nhất) lo việc thờ cúng, tôi đồng ý trích ra một phần giá trị tài sản tương đương với 100m^2 đất để gửi vào Ngân hàng sau này lo việc thờ cúng.

Tôi đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn V, giá trị tài sản là 7.210.639.000đồng (bảy tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2018, ông Trần Minh T trình bày như sau:*

Lúc ba ông (ông Trần Kim H) còn sống, ông có nghe ba ông nói là ông được ông nội Nhưng (tên thường gọi của ông Trần Đ) mời đại diện cho tộc Trần để ký bản di chúc do ông Trần Đ lập nhằm để lại tài sản cho cháu mình, nhưng lúc đó ông không biết cụ thể nội dung di chúc đề cập đến vấn đề gì.

Chữ ký và chữ viết là của ông Trần Kim H. Trước đây, khi ba ông còn sống cũng đã ký vào văn bản "khai nhận di sản thừa kế" của gia đình ông (hiện nay ông còn giữ), chữ ký và chữ viết của ba ông trong hai văn bản này không hề thay đổi nên

ông xác nhận chính xác chữ ký và chữ viết họ tên trong bản di chúc lập ngày 21/6/2006 là của ba ông không hề thay đổi.

Ông xin cung cấp cho Tòa án văn bản khai nhận di sản thừa kế của gia đình ông để tiện việc đối chiếu.

** Theo bản trình bày ngày 12/11/2018 của ông Trần Văn T có nội dung như sau:*

Ông là cháu của ông Trần Đ (N), khi bác ông còn sống, ông về thăm, bác ông có nói là tài sản đất đai chia cho mấy bà con gái còn lại cho cháu nội là Trần Nguyễn K là con của ông Trần Văn M (đã chết) 01 ngôi nhà và đất.

Khi còn sống, bác ông là người tập hợp con cháu, đi quyên góp nhà thờ tộc (từ năm 1992 đến năm 1997) xây dựng nhà thờ, tổng hợp chi thu tiền xây nhà thờ của con cháu. Xác nhận bác ông là người biết chữ. Vậy ông viết đơn này là sự thật và xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

** Theo bản trình bày ngày 12/11/2018 của ông Trần Minh C có nội dung như sau:*

Ông là con cháu tộc Trần, biết rõ gia đình chú ông là Trần Đ (N), từ năm 1954 đến năm 2010 gia đình của ông cách nhà ông 500m, hai gia đình thường xuyên qua lại với nhau, nên ông biết rất rõ về gia đình chú ông.

Từ năm 1954, chú ông đã phở đất làm nhà và phở đất trồng hoa màu, trồng cây lâu năm. Khi chú ông còn sống, chú ông rất minh mẫn sáng suốt, khi tuổi cao ông đã chia đều đất đai cho ba người con gái trong gia đình. Riêng đất đai trong vườn nhà ông ở và thờ ông, bà và anh em liệt sỹ thì ông để lại cho cháu nội là Trần Nguyễn K con của ông Trần Văn M, có giấy di chúc và ủy quyền để lại.

** Theo bản trình bày ngày 18/9/2018 và tại phiên tòa, ông Đặng Quang C trình bày như sau:*

Vào ngày 21/6/2006, ông Trần Đ có nhờ tôi viết hộ bản di chúc để ghi lại tâm nguyện của ông Trần Đ nên tôi có viết dùm, những nội dung theo ý chí của ông Trần Đ. Tại thời điểm này, ông Trần Đ hoàn toàn minh mẫn. Tờ di chúc có 2 người là ông Trần Kim H và ông Trần Thanh S đại diện cho tộc có ký tên làm chứng.

Tờ di chúc đó có những nội dung cơ bản như sau: Ông Trần Đ để toàn bộ tài sản của mình nhà và 1094.7m^2 đất tại tổ 35 (nay là tổ 56) phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cho cháu nội là Trần Nguyễn K được quyền thừa kế.

Ngoài ra, ông còn dặn khi nào cháu Khoa gặp khó khăn phải bán đi tài sản thì phải để lại 200m^2. Hoặc nhà nước giải tỏa cũng phải mua lại lô đất làm nhà thờ.

Ông xin cam đoan nội dung tờ di chúc trên là hoàn toàn đúng sự thật và đúng theo tâm niệm của ông Trần Đ.

Ngoài ra, bản di chúc lập ngày 15/3/2005 là do bà X viết tại nhà ông Trần Đ có sự chứng kiến của nhiều người trong đó có ông Đặng Nghịch là cha ruột của tôi và ông Đinh Văn Tân (chồng bà H). Di chúc này lập xong nhưng bà M không ký nên ông ngoại tôi đã bỏ ăn mấy ngày.

Ông cam đoan những lời trình bày trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu trách nhiệm.

** Tại đơn xin làm nhân chứng ngày 06/01/2019 và tại phiên tòa, ông Võ T trình bày có nội dung cơ bản như sau:*

Tôi là người ở nhờ nhà ông Trần Đ, nên tôi được ông Trần Đ xem như con ruột trong nhà. Sau này tôi cưới vợ và ra ở riêng. Nhiều lần về thăm, tôi đã được ông Trần Đ cho xem hai bản di chúc có nội dung là để lại tài sản cho cháu nội Trần Nguyễn K, việc này tất cả con cháu đều biết, đặc biệt là hai ông con rể là ông Nghịch và ông Tân biết rất rõ việc này. Do tại phiên tòa ngày 04/01/2019 tôi có tham dự nên bức xúc vì những người con của ông Trần Đ cố ý làm trái lại tâm huyết của ông Trần Đ nên tôi bức xúc làm đơn xin làm nhân chứng để nói ra sự thật là ông Trần đầy có lập di chúc để lại tài sản cho Trần Nguyễn K.

** Tại buổi đối chất ngày 14/01/2019, ông Trần Thanh S trình bày như sau:*

Lúc ông Trần Đ lập di chúc thì ông không chứng kiến, nhưng ông chỉ chứng kiến ông Trần Đ tự tay ký vào bản di chúc và xác nhận nội dung di chúc để lại tài sản cho Trần Nguyễn K là đúng ý chí của ông Trần Đ. Ông Trần Đ trước đây biết chữ, nhưng lúc lập di chúc ông đã già nên nhờ cháu ngoại là ông C viết dùm. Ngoài ra, ông S còn trình bày ông Trần Nguyễn K là người đầy đủ phẩm chất để thực hiện việc thờ cúng theo ý nguyện của ông Trần Đ.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 609, 624, 625, 626, 634, khoản 5 Điều 643, Điều 645, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 229, Điều 230; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện "*Tranh chấp chia di sản thừa kế"* của bà Trần Thị M và bà Trần Thị X đối với bà Nguyễn Thị N, ông Trần Nguyễn K và bà Trần Thị Ti N và chấp nhận yêu cầu *"Công nhận di chúc lập ngày 21/6/2006 là di chúc hợp pháp"* của ông Trần Nguyễn K. Tuyên xử:

[1] Giao cho ông Trần Nguyễn K được quyền quản lý sử dụng nhà thờ, vật kiến trúc, cây trồng trên đất và 794.7m^2 đất (trong đó có 556.7m^2 đất ở và 238m^2 đất trồng cây), tổng trị giá 5.245.338.700đồng.

Phần tài sản của ông K có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường kiệt; Tây giáp: Nhà bà Thuyết và đường kiệt vào nhà bà Anh, ông Lộc, bà Hồng; Nam giáp: Phần đất của bà của bà Hiền và nhà của bà Anh; Bắc giáp: Đường Kiệt và nhà ông Pháp; (Có sơ đồ là phần còn lại của giấy chứng nhận QSDĐ số ADD714380 ngày 20/6/2006 của UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng sau khi đã chia cho bà H, bà M, bà X).

[2] Giao cho bà Trần Thị H được quản lý sử dụng 100m^2 (trong đó có 70m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây), trị giá 655.100.000đồng, có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường kiệt (rộng 4.915m); Tây giáp: Nhà bà Kim Anh (4.915m); Nam giáp: Phần đất của bà Mật (dài 20.35m); Bắc giáp: Phần đất của ông K (dài 20.35m); Có sơ đồ kèm theo.

[3] Giao cho bà Trần Thị M được quản lý sử dụng 100m^2 (trong đó có 70m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây), trị giá 655.100.000đồng, có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường kiệt (rộng 4.915m); Tây giáp: Nhà ông Lộc (rộng 4.915m); Nam giáp: Phần đất của bà Xê (dài 20.35m); Bắc giáp: Phần đất của bà H (dài 20.35m); Có sơ đồ kèm theo.

[4] Giao cho bà Trần Thị X được quản lý sử dụng 100m^2 (trong đó có 70m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây), trị giá 655.100.000đồng, có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường kiệt (rộng 4.915m); Tây giáp: Nhà bà Phạm Thị Hồng (4.915m); Nam giáp: Nhà ông Huỳnh Bá Tuấn (dài 20.35m); Bắc giáp: Phần đất của bà M (dài 20.35m); Có sơ đồ kèm theo.

[5] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì các bên được quyền liên hệ với ban quản lý dự án và Trung tâm phát triển quỹ đất để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

[6] Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, buộc ông Trần Nguyễn K phải giao số tiền 659.638.700đồng cho bà Trần Thị H làm quỹ thờ cúng.

[7] Ngay sau khi ông K giao số tiền 659.638.700đồng, bà H phải có nghĩa vụ gửi vào Ngân hàng để sử dụng vào việc thờ cúng sau này, có sự giám sát của các đồng thừa kế.

[8] Buộc ông Trần Nguyễn K phải trả cho bà Trần Thị M số tiền 35.840.000đồng;

[9] Buộc bà Trần Thị H và bà Trần Thị X mỗi người phải hoàn trả cho bà M số tiền 5.120.000đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Nguyễn K phải chịu 112.585.000đồng.

- Bà Trần Thị H phải chịu 30.204.000đồng. Nhưng được xét miễn không phải nộp.

- Bà Trần Thị M phải chịu 30.204.000đồng.

- Bà Trần Thị X phải chịu 30.204.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định, ngày 30/01/2019 bà Trần Thị M và bà Trần Thị X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử giải quyết toàn bộ vụ án.

Ngày 01/3/2019, bà Trần Thị M kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giám định chữ ký của ông Trần Đ và ông Trần Kim H tại bản di chúc 21/6/2006 với các bút tích tại gần thời điểm theo quy định của pháp luật giám định. Tuyên bản di chúc lập 21/6/2006 là không có hiệu lực, bác toàn bộ đơn phản tố của ông Trần Nguyễn K. Chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/3/2019, bà Trần Thị M thay đổi đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu giám định chữ ký của ông Trần Đầy tại bản di chúc lập 21/6/2006 do ông Trần Đ không biết chữ và không yêu cầu giám định chữ ký của ông Trần Kim H.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị M thống nhất với nội dung kháng cáo của bà Trần Thị M. Đề nghị, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết toàn bộ vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị M, bà Trần Thị X.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trần Thị M, bà Trần Thị X về "Tranh chấp chia di sản thừa kế" đối với bà Nguyễn Thị N, bà Trần Thị Ti N và ông Trần Nguyễn K về việc chia di sản của cụ bà Huỳnh Thị C theo pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nguyễn K về việc công nhận bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc lập ngày 21/6/2006" là hợp pháp đối với di sản của cụ ông Trần Đ.

- Công nhận ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 90.8m^2 tọa lạc trên diện tích đất 1095.3m^2, tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 68, địa chỉ kiệt 80 đường H, tổ 56 mới (35 cũ), phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và vật kiến trúc trên đất gồm: Tường rào có diện tích 66.21m^2, cây trồng trên đất là 03 cây xoài, 03 cây mận; có giá trị 7.213.477.825đồng là di sản của cụ ông Trần Đ và cụ bà Huỳnh Thị C.

- Giao cho ông Trần Nguyễn K được quyền sở hữu, sử dụng 01 (một) ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng; vật kiến trúc, cây xanh và 766.8m^2 đất (trong đó có 532m^2 đất ở và 234.8m^2 đất trồng cây). Ông Trần Nguyễn Khoa phải thối trả chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận cho bà Trần Thị M, bà Trần Thị X, bà Trần Thị H mỗi người được nhận 4.013.500đồng.

- Giao cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị M, bà Trần Thị X được quyền sử dụng 109.5m^2 đất (trong đó có 76m^2 đất ở và 33.5m^2 đất trồng cây)

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

- Giao việc thờ cúng ông bà cho ông Trần Nguyễn K theo di nguyện của cụ Trần Đ.

- Không chấp nhận đơn xin miễn án phí cho bà Trần Thị M.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm và các chi phí tố tụng khác các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 10/6/2019, bà Trần Thị M chấm dứt ủy quyền đối với ông Nguyễn Cao H nên ông H không còn tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà M. Ngày 25/6/2019, bà M yêu cầu luật sư là ông Nguyễn Cao H thuộc Công ty TNHH luật Bảo N tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M.

Căn cứ các Điều 75, 76 Bộ luật tố tụng dân sự ông Nguyễn Cao H được chấp nhận là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M.

Người làm chứng ông Trần Minh T, ông Trần Minh C, ông Trần Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người giám định Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn Việt N - Văn phòng Đà Nẵng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 229, 230, 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nói trên.

Nguyên đơn bà Trần Thị X, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị M là ông Nguyễn Thành T và ông Nguyễn Cao H tại phần tuyên án vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vắng mặt theo thủ tục chung của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của nguyên đơn, thì thấy:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế: Cụ bà Huỳnh Thị C chết ngày 22/6/1993 và cụ ông Trần Đ chết ngày 19/9/2009. Căn cứ Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 611, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời điểm mở thừa kế di sản của cụ C là ngày 22/6/1993 và cụ Đ là ngày 19/9/2009.

[2.2] Về thời hiệu thừa kế: Theo đơn yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Trần Thị M, bà Trần Thị X; đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Nguyễn K và thời điểm mở thừa kế. Căn cứ khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi.

[2.3] Về hàng thừa kế: Cụ ông Trần Đ và cụ bà Huỳnh Thị C có 12 người con chung gồm: Bà Trần Thị G (chết, không có chồng con); ông Trần Văn N (chết năm 1965, không có vợ con); bà Trần Thị M (chết, không có chồng con); bà Trần Thị T (chết, không có chồng con); bà Trần Thị R (chết năm 1967, không có chồng con); ông Trần Văn C (chết, không có vợ con); ông Trần Văn B (chết năm 1967, không có vợ con); bà Trần Thị C (chết, không có chồng con); ông Trần Văn M (chết năm 2001, có vợ là bà Nguyễn Thị N và 02 con: bà Trần Thị Ti N, ông Trần Nguyễn K); bà Trần Thị H; bà Trần Thị M; bà Trần Thị X. Ngoài ra, không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ C chết không để lại di chúc, nên hàng thừa kế của cụ C gồm: Cụ Đ, bà H, bà M, bà X và ông M. Do ông M chết năm 2001 sau thời điểm cụ C chết nên những người thừa kế của ông M là bà N, bà N, ông K và được hưởng di sản thừa kế từ cụ C.

Cụ Đ chết, có lập bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" để lại toàn bộ tài sản của cụ cho cháu nội Trần Nguyễn K. Do đó, di sản của cụ Đ được chia theo

di chúc và không có người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên ông K được hưởng toàn bộ di sản của cụ Đ.

[2.4] Về di sản thừa kế: Di sản thừa kế của cụ ông Trần Đ và cụ bà Huỳnh Thị C để lại gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng, có diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 95.2m^2; vật kiến trúc là tường rào có diện tích 66.21m^2 và cây xanh là 03 cây xoài, 03 cây mận tọa lạc trên lô đất có diện tích 1094.7m^2 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 68, địa chỉ kiệt 80 đường H, tổ 56 mới (35 cũ), phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng được UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714380 ngày 20/6/2006 đứng tên ông Trần Đ và bà Huỳnh Thị C (chết). Theo chứng thư thẩm định giá ngày 09/10/2018 của Công ty cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn V - Văn phòng Đà Nẵng có tổng giá trị tài sản là 7.210.639.000đồng. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất 7.171.380.000đồng, công trình xây dựng 37.387.000đồng (nhà ở 23.562.000đồng, tường rào 13.825.000đồng) và cây xanh 1.872.000đồng.

Theo kết quả đo đạc tại sơ đồ vị trí thửa đất, đất ngày 25/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng ở giai đoạn phúc thẩm thì diện tích đất thực tế là 1095.3m^2 và 01 ngôi nhà có diện tích xây dựng là 90.8m^2. Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xác định di sản của cụ ông Trần Đ và cụ bà Huỳnh Thị C để lại gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền xi măng, có diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 90.8m^2; vật kiến trúc là tường rào có diện tích 66.21m^2 và cây xanh là 03 cây xoài, 03 cây mận tọa lạc trên lô đất có diện tích 1095.3m^2 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 68, địa chỉ kiệt 80 đường H, tổ 56 mới (35 cũ), phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Các đương sự thống nhất xác định tổng giá trị tài sản là 7.213.480.300đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 7.175.310.300đồng, công trình xây dựng là 36.298.000đồng (nhà ở 22.473.000đồng, tường rào 13.825.000đồng) và cây xanh là 1.872.000đồng.

[2.5] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị N có yêu cầu trích số tiền có giá trị tương đương 100m^2 đất từ di sản của cụ Đ và cụ C để gửi vào Ngân hàng, giao khoản tiền này cho bà Trần Thị H quản lý để chi phí thờ cúng sau này. Đề nghị của bà N liên quan đến di sản của cụ C không được các đồng thừa kế là bà M, bà X thống nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại trích ra một phần giá trị tài sản có số tiền 659.638.000đồng tương đương với giá trị 94,7m^2 cùng với giá trị vật kiến trúc và cây trồng để làm tài sản phục vụ việc thờ cúng từ khối tài sản chung của cụ C và cụ Đ trong khi các đồng thừa kế là bà M, bà X không đồng ý làm cho việc xác định di sản còn lại và phân chia di sản của cụ C và cụ Đ không chính xác, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự nên kháng cáo về nội dung này của bà M và bà X là có căn cứ.

[2.6] Di sản của cụ C được xác định là ½ tài sản chung giữa cụ và cụ Đ, cụ thể: 547.65m^2 đất (trong đó có 380m^2 đất ở và 167.65m^2 đất trồng cây), giá trị 3.587.655.150đồng và ½ giá trị công trình xây dựng (nhà ở và tường rào), cây xanh là 19.085.000đồng. Tổng giá trị di sản là 3.606.740.150đồng. Di sản để lại của cụ C được chia cho 05 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế, gồm: Cụ Đ, bà H, bà M, bà X và ông M (có hàng thừa kế là bà N và bà N, ông K). Như vậy, mỗi kỷ phần được chia bằng hiện vật là 109.53m^2 đất, có giá trị 717.531.000đồng và một phần giá trị công trình xây dựng, cây xanh là 3.817.000đồng. Giá trị mỗi kỷ phần được nhận là 721.348.000đồng.

Tuy nhiên, để thuận tiện trong việc phân chia diện tích đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử giao cho các bà X, bà M, bà H mỗi người được nhận 109.5m^2 đất (trong đó có 76m^2 đất ở và 33.5m^2 đất trồng cây) và nhận giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế là 4.013.500đồng, (gồm 3.817.000đồng đối với phần giá trị công trình xây dựng, cây xanh và 196.500đồng phần giá trị đất còn lại sau khi được giao diện tích 109.5m^2 đất).

Đối với phần của ông M được hưởng, các đồng thừa kế là bà N, bà N tự nguyện nhượng lại phần được hưởng cho ông K. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.7] Cụ Đ chết, có lập bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" để lại toàn bộ tài sản của ông cho cháu nội Trần Nguyễn K, có nội dung như sau:

"*Hôm nay vào lúc 9 giờ 00, ngày 21/6/2006 tại nhà tôi đang ở tổ 35 phường Hòa Hải. Tôi viết tờ văn tự - Di chúc này trong người tôi khỏe mạnh, tỉnh táo, sáng suốt, tinh thần thoải mái, không bị ai ép buộc.*

Nội dung như sau: Tôi có tài sản là 01 lô đất gắn liền với nhà ở tại tổ 35, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng được UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714380 kí cấp ngày 20/6/2006, có diện tích là 1094.7m^2, để lại cho cháu nội tôi là Trần Nguyễn K... được quyền thừa kế phần tài sản của tôi kể trên trọn quyền sử dụng, không ai được tranh chấp...".

[2.7.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M, bà X tại phiên tòa cho rằng bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" của cụ Đ để lại không hợp pháp, do cụ Đ không biết chữ nên đề nghị không công nhận bản di chúc ngày 21/6/2006 và chia di sản của cụ Đầy theo pháp luật, thì thấy:

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà M, bà X không thừa nhận chữ ký của cụ Đ tại bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" và không có yêu cầu giám định chữ ký, nhưng trong giai đoạn phúc thẩm bà M đã yêu cầu giám định chữ

ký của cụ Đ và tại phiên tòa phúc thẩm ngày 29/5/2019 người đại diện theo ủy quyền của bà M yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của người làm chứng ông Trần Kim H tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006". Tại bản kết luận giám định số 19/GĐ-TL ngày 09/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng đã kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Đ dưới mục "Người để lại di chúc" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" so với chữ ký của Trần Đ trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 có phải do một người cùng ký ra hay không và Bản kết luận giám định số 577/C09C (DD6) ngày 24/6/2019 của của Phân viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kết luận: Chữ viết ghi họ tên Trần Kim H dưới nội dung "xác nhận lời di chúc...chi II đồng ý" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) và chữ viết đứng tên ông Trần Kim H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2 đến M8) là do cùng một người viết ra. Nguyên đơn bà X, bà M cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M không có ý kiến tranh luận gì về nội dung của các bản kết luận giám định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M đã thừa nhận các chữ ký trên các tài liệu mẫu giám định tại kết luận giám định số 19/GĐ-TL ngày 09/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng gồm: 01 Đơn xin tách thửa đất, hợp thửa đất ngày 15/02/2006; 01 Biên bản tự chọn vị trí đất ở và đất cây lâu năm (hằng năm) ngày 25/4/2006 và 01 Biên bản mô tả ranh giới thửa đất ngày 21/3/2006 đều có chữ ký của cụ Trần Đầy, có tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714380 ngày 20/6/2006 do Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Ngũ Hành Sơn lưu trữ là chữ ký của cụ Đ và bà đã trực tiếp chứng kiến ông Đ ký vào các văn bản nói trên sau khi được cán bộ địa chính đọc cho cụ Đầy nghe để làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng cụ Đ chỉ ký được những chữ ký đơn giản còn viết thì không được. Bà M có cung cấp cuộc ghi âm mà theo bà đã ghi âm được cuộc đối thoại giữa bà với ông Trần Thanh S, có nội dung ông Trần Thanh S và bà Trần Thị H khẳng định cụ ông Trần Đ không biết chữ và đề nghị Hội đồng xét xử mở nghe đoạn ghi âm để chứng minh cho việc cụ Đ không biết chữ. Hội đồng xét xử mở nghe đoạn ghi âm nhưng nội dung tại đoạn ghi âm không nghe rõ. Còn ông S, bà H vẫn khẳng định cụ ông Trần Đ là người biết chữ. Các đương sự không có yêu cầu giám định đoạn ghi âm. Mặt khác, chứng cứ do bà M cung cấp không đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được xem là chứng cứ.

Trên cơ sở lời khai và thừa nhận của các đương sự, xem xét toàn diện các chứng cứ, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Đặng Quang C (là cháu ngoại của cụ Đ) xác nhận chữ viết tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" là chữ viết của ông, được cụ Đ nhờ ông viết hộ và viết theo ý chí của cụ Đ, tại thời điểm viết di chúc cụ Đ hoàn toàn minh mẫn, không bị ai ép buộc, có người làm chứng là ông Trần Thanh S và ông Trần Kim H đại diện tộc họ ký tên,

xác nhận làm chứng. Các người làm chứng ông Trần Thanh S và vợ, con của ông Trần Kim H là ông Trần Minh T cũng đều xác định chữ ký của ông Trần Kim H (ông H đã chết) tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006"; đồng thời ông Trần Thanh S cũng đã chứng kiến cụ Trần Đ tự tay ký vào bản di chúc và xác nhận nội dung di chúc để lại tài sản cho cháu nội Trần Nguyễn K là đúng ý chí của cụ Đ trước mặt ông và ông Trần Kim H, cùng ký và xác nhận vào bản di chúc. Bên cạnh đó bà Trần Thị H (là con gái cụ Đ) cũng xác nhận cụ Đ là người biết chữ và chữ ký tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" là của cụ Đ. Mặt khác, ông Trần Văn T thừa nhận trước đây cụ Trần Đ đã có công lớn trong việc vận động, quyên góp tiền của con cháu trong tộc và ghi chép việc thu chi trong quá trình xây dựng nhà thờ, tất cả những điều đó đã chứng minh cụ Đ là người biết chữ. Các ông Võ T, ông Trần Văn T, ông Trần Văn C đều thừa nhận ý chí của cụ Trần Đ là để lại di sản cho cháu nội ttai duy nhất là ông Trần Nguyễn K. Nên kháng cáo của bà M, bà X cho rằng cụ Đ không biết chữ và bản di chúc ký tên cụ Đ mà không lăn tay, điểm chỉ là không đúng sự thật nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh. Đối với ông Đặng Quang C thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Đ, tại thời điểm lập di chúc ông C mới 16 tuổi nên không thể là người làm chứng; cụ Đ lập di chúc năm 2006 đến năm 2009 cụ Đ chết, nhưng di chúc không được công chứng, chứng thực, ông K không công bố di chúc. Thấy rằng bản di chúc lập ngày 21/6/2006 thì ông C chỉ là người viết hộ, không phải người làm chứng, theo quy định tại Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2005 thì đối với di chúc có người làm chứng thì không bắt buộc phải công chứng, chứng thực và không quy định bắt buộc phải công bố di chúc.

Ngoài ra, bà M còn cho rằng thời điểm lập di chúc ngày 21/6/2006 nhưng trước đó ngày 20/6/2006 chủ tịch Uỷ ban nhân dân quận Ngũ Hành Sơn mới ký và đóng dấu vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ714380 và một tuần sau bà mới đưa về cho bà N giữ; còn em Đặng Quang C lúc này mới 16 tuổi đang là học sinh phải đi học, không lý do để nghỉ học để viết di chúc. Tuy nhiên, đây chỉ suy diễn chủ quan của bà M và bà cũng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh. Hơn nữa tại đơn đề nghị xác nhận ngày 22/01/2019 của bà M thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Ngũ Hành Sơn có nội dung xác nhận người ký nhận giấy chứng nhận số AĐ 714380 là bà Trần Thị M, không ghi cụ thể ngày nhận.

Mặt khác, trước khi lập bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" thì cụ Đ cũng đã chia cho mỗi người con gái và cháu nội gái một phần đất, bà M, bà X đều đã được cha mình cho đất, điều này đã được các bên đương sự thừa nhận. Trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hai lần cụ Đ lập di chúc: Lần thứ nhất vào năm 2005 tại bản di chúc này cụ Đ để lại tài sản là nhà, đất cho các cháu nội là Trần Thị Ti N và Trần Nguyễn K có bà H, bà X cùng ký vào, nhưng do có sự thay đổi về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/6/2006 nên đã lập lại bản di chúc vào

ngày 21/6/2006 để lại cho ông K. Điều này cũng thể hiện ý chí của cụ Đ là để lại tài sản nhà, đất cho cháu nội là ông Trần Nguyễn K.

Từ những viện dẫn nêu trên có đủ căn cứ xác định bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" của cụ Đ để lại về hình thức và nội dung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 652, 653, 656 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định di chúc được coi là hợp pháp thì có đủ các điều kiện như: Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép; nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật; di chúc có người viết hộ, người để lại di chúc ký và có người làm chứng xác nhận. Bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" của cụ Đ để lại là di chúc bằng văn bản có người làm chứng được quy định tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của đồng nguyên đơn về việc chia di sản của cụ Trần Đ theo pháp luật, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn công nhận nội dung di chúc hợp pháp đối với ½ tài sản của cụ Đ trong khối tài sản chung với cụ C là có căn cứ nên kháng cáo của nguyên đơn bà X, bà M cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích của bà M tại phiên tòa cho rằng bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" của cụ Đ để lại không hợp pháp, do cụ Đ không biết chữ nên bản di chúc ký tên cụ Đ mà không lăn tay, điểm chỉ nên đề nghị không công nhận bản di chúc ngày 21/6/2006 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.7.2] Tuy nhiên, bản di chúc ngày 21/6/2006 của cụ Đ để lại toàn bộ tài sản nhà và đất cho cháu nội Trần Nguyễn K là không phù hợp với quy định của pháp luật, chỉ hợp pháp có giá trị đối với phần di sản của cụ Đ. Bởi vì nhà, đất nói trên là tài sản chung giữa cụ Đ và cụ C (cụ C đã chết trước, cụ Đ không có quyền định đoạt phần di sản của cụ C). Cụ Đ chỉ có quyền định đoạt ½ di sản là giá trị tài sản trong khối tài sản chung giữa cụ và cụ C, việc cụ Đ lập di chúc giao lại toàn bộ tài sản cho cháu nội Trần Nguyễn K là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bản di chúc ngày 21/6/2006 của cụ Đ chỉ có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Đầy.

[2.7.3] Di sản của cụ Đ được xác định là ½ tài sản chung giữa cụ và cụ C gồm: 547.65m^2 đất (trong đó có 380m^2 đất ở và 167.65m^2 đất trồng cây) + ½ giá trị công trình xây dựng (nhà ở và tường rào), cây xanh là 19.085.000đồng, có giá trị là 3.606.740.150đồng và kỷ phần của cụ Đ được hưởng thừa kế của cụ C là 109.53m^2 đất và giá trị công trình xây dựng, cây xanh là 3.817.000đồng. Tổng cộng, di sản của cụ Đ để lại cho ông Trần Nguyên K theo di chúc là 657.18m^2 đất (trong đó 456m^2 đất ở và 201.18m^2 đất trồng cây), có giá trị 4.305.186.180đồng và giá trị công trình xây dựng (nhà ở + tường rào), cây xanh là 22.902.000đồng, có tổng giá trị 4.328.088.180đồng.

Theo bản di chúc ngày 21/6/2006 có nội dung: "*Nếu sau này cháu K gặp khó khăn là phải bán đi tài sản đó để giải quyết khó khăn thì phải để lại một phần làm nhà thờ ông bà với diện tích phải được 200m^2. Hoặc nhà nước có giải tỏa thì cũng phải mua lại lô đất làm nhà thờ"*. Do đó, xét thấy bản di chúc của cụ Đ để lại là di chúc có điều kiện nhưng chưa xảy ra nên giao toàn bộ phần di sản của cụ Đ cho ông K được quyền sở hữu, sử dụng. Nếu sau này có phát sinh điều kiện của di chúc thì được giải quyết thành vụ kiện dân sự khác. Di chúc của cụ Đ có nguyện vọng giao việc thờ cúng cho ông K, ông K là cháu nội trai và được hưởng phần lớn tài sản theo di chúc nên giao việc thờ cúng cho ông K là hợp lý.

Tuy nhiên, đối với phần công trình xây dựng, cây xanh không thể phân chia bằng hiện vật và cũng theo nguyện vọng của cụ Đ là để lại toàn bộ tài sản cho ông K. Do đó, Hội đồng xét xử giao công trình xây dựng trong đó có ngôi nhà, tường rào và cây xanh cho ông K, đồng thời ông K phải có nghĩa vụ thối trả phần chênh lệch kỷ phần giá trị công trình xây dựng và cây xanh được nhận cho bà X, bà M, bà H.

[2.7.4] Như vậy, phần diện tích nhà, đất ông K được nhận gồm: Phần di sản được hưởng theo di chúc của cụ Đ và kỷ phần của ông K được nhận của ông M từ việc chia di sản thừa kế của cụ C, cụ thể: 766.8m^2 đất (trong đó 532m^2 đất ở và 234.8m^2 đất trồng cây), giá trị 5.023.306.800đồng và công trình xây dựng (01 ngôi nhà cấp 4 và tường rào), cây xanh, có giá trị 26.719.000đ. Tổng giá trị tài sản ông K được nhận là 5.050.025.800đồng.

Đồng thời, ông K có nghĩa vụ thối trả cho bà X, bà M, bà H chênh lệch kỷ phần thừa kế cho mỗi người được nhận 4.013.500đồng, (gồm 3.817.000đồng đối với phần giá trị công trình xây dựng, cây xanh và 196.500đồng phần giá trị đất còn lại sau khi được giao diện tích 109.5m^2 đất).

[2.7.5] Trên phần diện tích đất của bà H, bà M, bà X được nhận có một phần kiến trúc (tường rào) nhưng giá trị này rất nhỏ nên bà N không có yêu cầu tính giá trị phần này mà tự nguyện giao cho các đương sự. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.7.6] Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì các bên được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí đối với kỷ phần được nhận, cụ thể:

+ Ông Trần Nguyễn K được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 5.050.025.800đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.050.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 14.000.000đồng đã nộp tại Biên lai thu số 001840 ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Số tiền còn lại phải tiếp tục nộp là 99.050.000đồng.

+ Các bà Trần Thị H, Trần Thị M, Trần Thị X mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 721.348.000đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.853.900đồng.

Bà Trần Thị H được xét miễn nộp tiền án phí do người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị M, bà Trần Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: 51.200.000đồng, số tiền này bà Trần Thị M đã chi ra số tiền 50.000.000đồng cho Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn V - Văn phòng Đà Nẵng và 1.200.000đồng cho chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp và đã chi). Ông K phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M số tiền 35.840.000đồng; Bà H và bà X mỗi người phải hoàn trả cho bà M số tiền 5.120.000đồng, còn lại 5.120.000đồng bà M phải chịu.

[3.4] Về chi phí giám định:

+ Bà Trần Thị M phải chịu chi phí giám định chữ ký và chữ viết là 5.510.000đồng (đã nộp và đã chi). Trong đó 510.000đồng chi phí giám định đối với chữ ký Trần Đ theo phiếu thu ngày 09/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và 5.000.000đồng chi phí giám định đối với chữ ký và chữ viết Trần Kim H theo phiếu thu ngày 24/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu số tiền 6.575.000đồng về chi phí giám định, đo đạc theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0099014 ngày 26/6/2019 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng (đã nộp và đã chi).

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308, các Điều 75, 76, khoản 2 Điều 95, 147, 148, 229, 230, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 631, 646, 647, 648, 652, 653, 656, khoản 5 Điều 667, 674, 675, 676, 684, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị M, bà Trần Thị X.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"* của bà Trần Thị M, bà Trần Thị X đối với bà Nguyễn Thị N, bà Trần Thị Ti N và ông Trần Nguyễn K về việc chia di sản của cụ bà Huỳnh Thị C theo pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nguyễn K về việc công nhận bản di chúc *"Tờ văn tự - di chúc lập ngày 21/6/2006"* là hợp pháp đối với di sản của cụ ông Trần Đ.

2. Công nhận 01 (một) ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 90.8m^2 tọa lạc trên diện tích đất 1095.3m^2, tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 68, địa chỉ kiệt 80 đường H, tổ 56 mới (35 cũ), phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và vật kiến trúc trên đất gồm: Tường rào có diện tích 66.21m^2, cây trồng trên đất là 03 cây xoài, 03 cây mận; có giá trị 7.213.477.825đồng là di sản của cụ ông Trần Đ và cụ bà Huỳnh Thị C.

(Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp số AĐ 714380 ngày 20/6/2006 đứng tên ông Trần Đ và bà Huỳnh Thị C (chết)).

3. Giao cho ông Trần Nguyễn K được quyền sở hữu, sử dụng 01 (một) ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng; vật kiến trúc, cây xanh và 766.8m^2 đất (trong đó có 532m^2 đất ở và 234.8m^2 đất trồng cây). (*Có sơ đồ kèm theo và phần diện tích nhà, đất được nhận ký hiệu A*).

4. Buộc ông Trần Nguyễn K phải thối trả chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận cho bà Trần Thị M, bà Trần Thị X, bà Trần Thị H mỗi người 4.013.500đồng (bốn triệu, không trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Giao cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị M, bà Trần Thị X mỗi người được quyền sử dụng 109.5m^2 đất (trong đó có 76m^2 đất ở và 33.5m^2 đất trồng cây). *(Có sơ đồ kèm theo và phần diện tích đất của bà H được nhận ký hiệu là B, bà M được nhận ký hiệu là C, bà X được nhận ký hiệu là D)*.

Đồng thời mỗi người được nhận số tiền 4.013.500đồng (bốn triệu, không trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng) do ông Trần Nguyễn K thối trả.

6. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

7. Về án phí dân sự:

7.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Nguyễn Anh K phải chịu là 113.050.000đồng (một trăm mười ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 001840 ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Số tiền án phí còn lại phải tiếp tục nộp là 99.050.000đồng (chín mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Trần Thị M phải chịu là 32.853.900đồng (ba mươi hai triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, chin trăm đồng).

+ Bà Trần Thị X phải chịu là 32.853.900đồng (ba mươi hai triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, chin trăm đồng).

+ Bà Trần Thị H được miễn nộp tiền án phí.

7.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị M, bà Trần Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị M, bà Trần Thị X mỗi người 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại các biên lai thu số 0001953 ngày 11/02/2019, biên lai thu số 0001952 ngày 11/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

8. Buộc ông Trần Nguyễn K phải hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 35.840.000đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

9. Buộc bà Trần Thị H, bà Trần Thị X mỗi người phải hoàn trả cho bà Trần Thị M số tiền chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 5.120.000đồng (năm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

10. Bà Trần Thị M phải chịu chi phí giám định chữ ký và chữ viết là 5.510.000đồng (năm triệu, năm trăm trăm mười nghìn đồng), (đã nộp và đã chi).

11. Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu số tiền 6.575.000đồng (sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) về chi phí giám định, đo đạc (đã nộp và đã chi).

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

13. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS q. Ngũ Hành Sơn;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Sơn

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-PT
Ngày: 27/6/2019
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Sơn

Các Thẩm phán: Ông Vũ Việt Dũng

Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/5/2019 và ngày 27/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLPT-DS ngày 04/3/2019, về "*Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐPT-DS ngày 03/5/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 28/2019/QĐPT-DS ngày 29/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Trần Thị Mật - sinh năm: 1960; Địa chỉ: K80/5 đường Huyền Trân Công Chúa, tổ 56, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Mật: Ông Nguyễn Cao Hùng - sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số 61 đường Nguyễn Hoàng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2019), (có mặt trong ngày 29/5/2019).

Ngày 10/6/2019, bà Trần Thị Mật chấm dứt ủy quyền đối với ông Cao Văn Hùng.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Mật:

- Ông Nguyễn Thành Tín - Luật sư của Văn phòng luật sư Đồng Thông thuộc đoàn luật sư Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 63 đường Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phần tuyên án.

- Ông Nguyễn Cao Hùng - Luật sư của Công ty TNHH luật Bảo Ngọc thuộc đoàn luật sư Hà Nội. Địa chỉ: Số 61 đường Nguyễn Hoàng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phần tuyên án.

1.2. Bà Trần Thị Xê - sinh năm: 1965; Địa chỉ: Tổ 58, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phần tuyên án.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Xê: Ông Trương Hồng Vỹ - sinh năm: 1995; Địa chỉ: H6/5 K351 đường Nguyễn Phước Nguyên, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, (theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019). Vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Nhiều - sinh năm: 1959;

2.2. Bà Trần Thị Ti Na - sinh năm: 1984;

2.3. Ông Trần Nguyễn Khoa - sinh năm: 1989;

Cùng địa chỉ: Số 42 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ông Trần Nguyễn Khoa, bà Trần Thị Ti Na ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Nhiều, (theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Hiền - sinh năm: 1955; Địa chỉ: Số 157 đường Lê Văn Hiến, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4. Người làm chứng*:*

4.1. Ông Trần Thanh Sơn - sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ 60, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4.2. Ông Trần Minh Tuấn - sinh năm: 1978; Địa chỉ: Tổ 63, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4.3. Ông Trần Văn Trọng - sinh năm: 1954; Địa chỉ: Số 153 đường Nguyễn Phan Vinh, tổ 73 Lộc Phước, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa ngày 29/5/2019, vắng mặt ngày 27/6/2019.

4.4. Ông Trần Văn Chín - sinh năm: 1947; Địa chỉ: Tổ 41, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4.5. Ông Đặng Quang Chính - sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ 58, phường Hòa

Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4.6. Ông Võ Tưởng - sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ 52, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5. Người giám định: Công ty Cổ phần Thẩm định giá và tư vấn Việt Nam - Văn phòng Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 163 đường Lê Thanh Nghị, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Mật và bà Trần Thị Xê.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/4/2018, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Xê trình bày:*

Ông Trần Đầy (chết năm 2009) và bà Huỳnh Thị Cơ (chết năm 1993) sinh được 12 người con gồm: Trần Thị Giàu (chết, không có chồng con); Trần Văn Nhân (chết năm 1965, không có vợ con); Trần Thị Mỳ (chết, không có chồng con); Trần Thị Thơm (chết, không có chồng con); Trần Thị Rơm (chết năm 1967, không có chồng con); Trần Văn Chì (chết, không có vợ con); Trần Văn Bảy (chết năm 1967, không có vợ con); Trần Thị Hiền; Trần Thị Chín (chết, không có chồng con); Trần Văn Mười (chết năm 2001) có vợ Nguyễn Thị Nhiều và 02 con: Trần Thị Ti Na, Trần Nguyễn Khoa; Trần Thị Mật; Trần Thị Xê. Ngoài ra, không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Lúc còn sống ông Đầy và bà Cơ có tạo lập được 01 ngôi nhà và 1049.7m^2 đất tại K80 đường Huyền Trân Công Chúa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng được UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp giấy chứng nhận số AĐ 714380 ngày 20/6/2006. Hiện tại, nhà và đất này đang dùng để thờ cúng cha mẹ và các anh chị.

Khi cha mẹ chết đều không để lại di chúc, quá trình giải quyết việc phân chia tài sản giữa các anh chị em không có kết quả nên vào ngày 20/4/2017 tại UBND phường Hòa Hải đã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Nay nguyên đơn yêu cầu phân chia phần di sản của ông Trần Đầy và bà Huỳnh Thị Cơ thành 5 phần, cụ thể: Phần đang có nhà ở sẽ được sẽ sử dụng để làm nhà thờ (giao cho bà Mật thờ cúng); 01 phần chia cho vợ và con của ông Trần Văn Mười; 03 phần còn lại chia cho Trần Thị Hiền, Trần Thị Mật, Trần Thị Xê.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Nguyễn Khoa về việc: "Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 21/6/2006 của ông Trần Đầy và chia di sản thừa kế còn lại theo quy định của pháp luật". Bà Mật và bà Xê không đồng ý vì các lý do sau:

Thứ nhất: Ông Trần Đầy không biết chữ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 (khoản 3 Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015) thì di chúc phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực. Nhưng người làm chứng viết bản di chúc là ông Đặng Quang Chính (con trai của bà Trần Thị Xê, cháu ngoại ông Trần Đầy thuộc hàng thừa kế thứ 2 của ông Trần Đầy) nên căn cứ Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 632 Bộ luật dân sự năm 2015) thì người thừa kế theo pháp luật không được làm người làm chứng.

Bên cạnh đó di chúc mà bị đơn cung cấp được lập ngày 21/6/2006, đến ngày 19/9/2009 ông Trần Đầy qua đời, như vậy không có lý do gì mà sau 03 năm di chúc không được mang đi công chứng, chứng thực.

Thứ hai: Ông Trần Đầy không biết chữ nhưng trong di chúc lại ký tên mà không điểm chỉ là điều bất hợp lý.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn Việt Nam - Văn phòng Đà Nẵng, tổng tài sản có giá trị 7.210.639.000đồng.

** Bà Trần Thị Mật nhất trí theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Xê.*

** Đại diện theo ủy quyền của các đồng bị đơn, bà Nguyễn Thị Nhiều trình bày*:

Với tư cách là bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn ông Trần Nguyễn Khoa và bà Trần Thị Ti Na, tôi trình bày về việc khởi kiện "Chia di sản thừa kế" của bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê và yêu cầu phản tố của ông Trần Nguyễn Khoa như sau:

Về các đồng thừa kế của ông Trần Đầy và bà Huỳnh Thị Cơ thống nhất như nguyên đơn đã trình bày.

Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là của ông Trần Đầy (chết năm 2009) và bà Huỳnh Thị Cơ (chết năm 1993) được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 864846 ngày 24/4/1995 với diện tích 1.200m^2.

Ngày 15/3/2005, cha chồng tôi đã gọi 03 người con gái là Trần Thị Hiền, Trần Thị Mật và Trần Thị Xê để trình bày ý nguyện của ông là để toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất nói trên cho các cháu nội là Trần Nguyễn Khoa và Trần Thị Ti Na. Việc truyền lại ý nguyện và được cha chồng tôi xem là di chúc này được lập thành văn bản có bà Trần Thị Hiền và bà Trần Thị Xê ký vào bản di chúc (riêng bà Trần Thị Mật không ký).

Do lo sợ về việc để lại di chúc trước đây không được các con gái thực hiện, nên ngày 21/6/2006 cha chồng tôi đã tiếp tục lập một bản di chúc mới với nguyện vọng để lại toàn bộ tài sản là 1094.7m^2 đất và tài sản trên đất tại giấy chứng nhận số

AĐ 714380 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 20/6/2006 lại cho cháu nội trai duy nhất là Trần Nguyễn Khoa (tức con trai tôi). Bản di chúc này do cháu ngoại của ông là Đặng Quang Chính (con của bà Trần Thị Xê) viết hộ theo ý chí của cha chồng tôi có sự chứng kiến của đại diện gia tộc là ông Trần Thanh Sơn và ông Trần Kim Hoàng.

Nay, đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Mật và bà Trần Thị Xê thì chúng tôi thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận di chúc lập ngày 21/6/2006 của ông Trần Đầy và chia di sản còn lại theo quy định của pháp luật. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên được quyền xác lập quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của phần mình theo quy định của pháp luật.

Riêng kỷ phần của bà Trần Thị Ti Na và tôi được nhận thì chúng tôi thống nhất nhượng lại cho con trai là Trần Nguyễn Khoa theo đúng như tâm huyết của cha chồng tôi.

Ngoài ra, đối với 01 phần di chúc của ông Trần Đầy rằng: "Nếu sau này cháu Khoa gặp khó khăn là phải bán đi tài sản đó để giải quyết khó khăn thì phải để lại một phần để làm nhà thờ ông, bà với diện tích phải được 200m^2. Hoặc nhà nước có giải tỏa thì cũng phải mua lại lô đất làm nhà thờ". Tuy nhiên, ngôi nhà của cha mẹ chồng tôi cũng chính là nhà thờ của gia đình hiện nay đã xuống cấp nên việc thờ tự ông, bà và các anh chị của chồng tôi đã được Trần Nguyễn Khoa rước về thờ tự nghiêm trang tại số nhà 42 đường Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, tôi yêu cầu Tòa án giao cho con trai tôi là Trần Nguyễn Khoa tiếp tục lo việc thờ cúng ông, bà sau này và đề nghị trích ra một phần giá trị tài sản tương đương với giá trị 100m^2 của ông Đầy và bà Cơ để giao cho cô Trần Thị Hiền đại diện đứng tên gửi vào Ngân hàng để lo việc thờ cúng.

Đối với kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần Thẩm định giá và tư vấn Việt Nam có tổng giá trị tài sản 7.210.639.000đồng (bảy tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng) chúng tôi đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hiền trình bày:*

Tôi thừa nhận phần những người thừa kế và nguồn gốc tài sản đang tranh chấp như trình bày của nguyên đơn. Về việc khởi kiện "Chia di sản thừa kế" của bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê và yêu cầu phản tố của ông Trần Nguyễn Khoa, ý kiến của tôi như sau:

Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là của ông Trần Đầy (chết năm 2009) và bà Huỳnh Thị Cơ (chết năm 1993) được UBND huyện Hòa Vang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 864846 ngày 24/4/1995 với diện tích 1.200m^2. Sau đó đổi

lại giấy chứng nhận số AĐ 714380 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 20/6/2006 với diện 1094.7m^2.

Cha, mẹ sinh tất cả là 12 người con nhưng đến sau ngày giải phóng chỉ còn lại 04 chị em. Tôi là người con gái lớn nhất trong số các chị em còn lại. Lúc sinh thời, cha tôi luôn lo lắng việc thờ tự ông, bà và thường xuyên dặn tôi sau này tài sản của ông để lại phải giao cho cháu Khoa quản lý sử dụng và tiếp tục lo việc thờ cúng ông, bà. Ông đã hai lần lập di chúc, ông không nghĩ rằng trong số các con của mình lại có người muốn làm ngược lại ý nguyện của ông. Lý do, ông lập lại di chúc lần thứ hai là do nhà nước cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới diện tích có khác với bìa đỏ trước đây nên ông đã nhờ chính con của bà Trần Thị Xê là người thường ở tại nhà viết hộ và nhờ đại diện gia tộc là các ông Trần Kim Hoàng và ông Trần Thanh Sơn (Long) làm chứng xác nhận di chúc của ông. Việc này cả tôi, các em và bà con tộc họ ai cũng đều biết.

Trước đây, đã có lần ông gọi tất cả chị em tôi lên phường để ký xác nhận việc ông để lại tài sản cho cháu Khoa nhưng lúc lên phường thì tôi và bà Xê đồng ý ký vào giấy thỏa thuận để lại tài sản nhưng riêng bà Mật thì không chịu ký và nói rằng để Khoa đủ 18 tuổi mới ký.

Ngay trước lúc chết, có biết bao nhiêu chuyện muốn dặn dò con cháu nhưng ông chỉ dặn lại không được tranh giành nhà, cửa, đất đai với cháu Khoa.

Trước đây, cha tôi là người rất cần cù, rất giỏi trong việc làm ăn, miệt mài vì các con. Tài sản của ông không chỉ là tài sản đang tranh chấp hiện nay mà trước đó ông đã từng chia cho chị em tôi mỗi người một thửa đất từ nhiều vị trí khác nhau, ngôi nhà của bà Trần Thị Mật hiện nay đang ở bên cạnh nhà của ông gần 400m^2 cũng là do chính ông cho. Nhưng nay vì phát sinh lòng tham mà bà Mật và bà Xê bất chấp tâm nguyện của cha tranh dành nhà đất để xảy ra vụ kiện này.

Đối với ý kiến cho rằng ông Đầy là người không biết chữ, tôi kiên quyết phản đối. Vì trước đây, cha tôi còn cho những người hàng xóm vay tiền, trong thời gian làm nhà thờ tộc ông là người đi vận động con cháu góp tiền để xây dựng nhà thờ tộc Trần và ông là người ghi chép việc thu chi cho tộc.

Nay với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê. Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc ngày 21/6/2006 của ông Trần Đầy và chia di sản thừa kế còn lại theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình sống, tôi biết và ghi nhận công sức của em tôi là Trần Văn Mười (đã chết) đối với gia đình. Cháu Khoa luôn thể hiện là người có trách nhiệm và luôn xứng đáng với sự tin tưởng của cha tôi nên tôi đề nghị giao cho cháu Khoa (là

cháu nội trai duy nhất) lo việc thờ cúng, tôi đồng ý trích ra một phần giá trị tài sản tương đương với 100m^2 đất để gửi vào Ngân hàng sau này lo việc thờ cúng.

Tôi đồng ý với kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Việt Nam, giá trị tài sản là 7.210.639.000đồng (bảy tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng).

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2018, ông Trần Minh Tuấn trình bày như sau:*

Lúc ba ông (ông Trần Kim Hoàng) còn sống, ông có nghe ba ông nói là ông được ông nội Nhưng (tên thường gọi của ông Trần Đầy) mời đại diện cho tộc Trần để ký bản di chúc do ông Trần Đầy lập nhằm để lại tài sản cho cháu mình, nhưng lúc đó ông không biết cụ thể nội dung di chúc đề cập đến vấn đề gì.

Chữ ký và chữ viết là của ông Trần Kim Hoàng. Trước đây, khi ba ông còn sống cũng đã ký vào văn bản "khai nhận di sản thừa kế" của gia đình ông (hiện nay ông còn giữ), chữ ký và chữ viết của ba ông trong hai văn bản này không hề thay đổi nên ông xác nhận chính xác chữ ký và chữ viết họ tên trong bản di chúc lập ngày 21/6/2006 là của ba ông không hề thay đổi.

Ông xin cung cấp cho Tòa án văn bản khai nhận di sản thừa kế của gia đình ông để tiện việc đối chiếu.

** Theo bản trình bày ngày 12/11/2018 của ông Trần Văn Trọng có nội dung như sau:*

Ông là cháu của ông Trần Đầy (Nhưng), khi bác ông còn sống, ông về thăm, bác ông có nói là tài sản đất đai chia cho mấy bà con gái còn lại cho cháu nội là Trần Nguyễn Khoa là con của ông Trần Văn Mười (đã chết) 01 ngôi nhà và đất.

Khi còn sống, bác ông là người tập hợp con cháu, đi quyên góp nhà thờ tộc (từ năm 1992 đến năm 1997) xây dựng nhà thờ, tổng hợp chi thu tiền xây nhà thờ của con cháu. Xác nhận bác ông là người biết chữ. Vậy ông viết đơn này là sự thật và xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

** Theo bản trình bày ngày 12/11/2018 của ông Trần Minh Chín có nội dung như sau:*

Ông là con cháu tộc Trần, biết rõ gia đình chú ông là Trần Đầy (Nhưng), từ năm 1954 đến năm 2010 gia đình của ông cách nhà ông 500m, hai gia đình thường xuyên qua lại với nhau, nên ông biết rất rõ về gia đình chú ông.

Từ năm 1954, chú ông đã phở đất làm nhà và phở đất trồng hoa màu, trồng cây lâu năm. Khi chú ông còn sống, chú ông rất minh mẫn sáng suốt, khi tuổi cao ông đã chia đều đất đai cho ba người con gái trong gia đình. Riêng đất đai trong vườn nhà

ông ở và thờ ông, bà và anh em liệt sỹ thì ông để lại cho cháu nội là Trần Nguyễn Khoa con của Trần Văn Mười, có giấy di chúc và ủy quyền để lại.

** Theo bản trình bày ngày 18/9/2018 và tại phiên tòa, ông Đặng Quang Chính trình bày như sau:*

Vào ngày 21/6/2006, ông Trần Đầy có nhờ tôi viết hộ bản di chúc để ghi lại tâm nguyện của ông Trần Đầy nên tôi có viết dùm, những nội dung theo ý chí của ông Trần Đầy. Tại thời điểm này, ông Trần Đầy hoàn toàn minh mẫn. Tờ di chúc có 2 người là ông Trần Kim Hoàng và ông Trần Thanh Sơn đại diện cho tộc có ký tên làm chứng.

Tờ di chúc đó có những nội dung cơ bản như sau: Ông Trần Đầy để toàn bộ tài sản của mình nhà và 1094.7m^2 đất tại tổ 35 (nay là tổ 56) phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cho cháu nội là Trần Nguyễn Khoa được quyền thừa kế.

Ngoài ra, ông còn dặn khi nào cháu Khoa gặp khó khăn phải bán đi tài sản thì phải để lại 200m^2. Hoặc nhà nước giải tỏa cũng phải mua lại lô đất làm nhà thờ.

Ông xin cam đoan nội dung tờ di chúc trên là hoàn toàn đúng sự thật và đúng theo tâm niệm của ông Trần Đầy.

Ngoài ra, bản di chúc lập ngày 15/3/2005 là do bà Xê viết tại nhà ông Trần Đầy có sự chứng kiến của nhiều người trong đó có ông Đặng Nghịch là cha ruột của tôi và ông Đinh Văn Tân (chồng bà Hiền). Di chúc này lập xong nhưng bà Mật không ký nên ông ngoại tôi đã bỏ ăn mấy ngày.

Ông cam đoan những lời trình bày trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu trách nhiệm.

** Tại đơn xin làm nhân chứng ngày 06/01/2019 và tại phiên tòa, ông Võ Tưởng trình bày có nội dung cơ bản như sau:*

Tôi là người ở nhờ nhà ông Trần Đầy, nên tôi được ông Trần Đầy xem như con ruột trong nhà. Sau này tôi cưới vợ và ra ở riêng. Nhiều lần về thăm, tôi đã được ông Trần Đầy cho xem hai bản di chúc có nội dung là để lại tài sản cho cháu nội Trần Nguyễn Khoa, việc này tất cả con cháu đều biết, đặc biệt là hai ông con rể là ông Nghịch và ông Tân biết rất rõ việc này. Do tại phiên tòa ngày 04/01/2019 tôi có tham dự nên bức xúc vì những người con của ông Trần Đầy cố ý làm trái lại tâm huyết của ông Trần Đầy nên tôi bức xúc làm đơn xin làm nhân chứng để nói ra sự thật là ông Trần đầy có lập di chúc để lại sài sản cho Trần Nguyễn Khoa.

** Tại buổi đối chất ngày 14/01/2019, ông Trần Thanh Sơn trình bày như sau:*

Lúc ông Trần Đầy lập di chúc thì ông không chứng kiến, nhưng ông chỉ chứng kiến ông Trần Đầy tự tay ký vào bản di chúc và xác nhận nội dung di chúc để lại tài

sản cho Trần Nguyễn Khoa là đúng ý chí của ông Trần Đầy. Ông Trần Đầy trước đây biết chữ, nhưng lúc lập di chúc ông đã già nên nhờ cháu ngoại là ông Chính viết dùm. Ngoài ra, ông Sơn còn trình bày ông Trần Nguyễn Khoa là người đầy đủ phẩm chất để thực hiện việc thờ cúng theo ý nguyện của ông Trần Đầy.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 609, 624, 625, 626, 634, khoản 5 Điều 643, Điều 645, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 229, Điều 230; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện "*Tranh chấp chia di sản thừa kế"* của bà Trần Thị Mật và bà Trần Thị Xê đối với bà Nguyễn Thị Nhiều, ông Trần Nguyễn Khoa và bà Trần Thị Ti Na và chấp nhận yêu cầu *"Công nhận di chúc lập ngày 21/6/2006 là di chúc hợp pháp"* của ông Trần Nguyễn Khoa. Tuyên xử:

[1] Giao cho ông Trần Nguyễn Khoa được quyền quản lý sử dụng nhà thờ, vật kiến trúc, cây trồng trên đất và 794.7m^2 đất (trong đó có 556.7m^2 đất ở và 238m^2 đất trồng cây), tổng trị giá 5.245.338.700đồng.

Phần tài sản của ông Khoa có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường kiệt; Tây giáp: Nhà bà Thuyết và đường kiệt vào nhà bà Anh, ông Lộc, bà Hồng; Nam giáp: Phần đất của bà của bà Hiền và nhà của bà Anh; Bắc giáp: Đường Kiệt và nhà ông Pháp; (Có sơ đồ là phần còn lại của giấy chứng nhận QSDĐ số ADD714380 ngày 20/6/2006 của UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng sau khi đã chia cho bà Hiền, bà Mật, bà Xê).

[2] Giao cho bà Trần Thị Hiền được quản lý sử dụng 100m^2 (trong đó có 70m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây), trị giá 655.100.000đồng, có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường kiệt (rộng 4.915m); Tây giáp: Nhà bà Kim Anh (4.915m); Nam giáp: Phần đất của bà Mật (dài 20.35m); Bắc giáp: Phần đất của ông Khoa (dài 20.35m); Có sơ đồ kèm theo.

[3] Giao cho bà Trần Thị Mật được quản lý sử dụng 100m^2 (trong đó có 70m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây), trị giá 655.100.000đồng, có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường kiệt (rộng 4.915m); Tây giáp: Nhà ông Lộc (rộng 4.915m); Nam giáp: Phần đất của bà Xê (dài 20.35m); Bắc giáp: Phần đất của bà Hiền (dài 20.35m); Có sơ đồ kèm theo.

[4] Giao cho bà Trần Thị Xê được quản lý sử dụng 100m^2 (trong đó có 70m^2 đất ở và 30m^2 đất trồng cây), trị giá 655.100.000đồng, có tứ cận như sau: Đông giáp: Đường kiệt (rộng 4.915m); Tây giáp: Nhà bà Phạm Thị Hồng (4.915m); Nam giáp: Nhà ông Huỳnh Bá Tuấn (dài 20.35m); Bắc giáp: Phần đất của bà Mật (dài 20.35m); Có sơ đồ kèm theo.

[5] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì các bên được quyền liên hệ với ban quản lý dự án và Trung tâm phát triển quỹ đất để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

[6] Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, buộc ông Trần Nguyễn Khoa phải giao số tiền 659.638.700đồng cho bà Trần Thị Hiền làm quỹ thờ cúng.

[7] Ngay sau khi ông Khoa giao số tiền 659.638.700đồng, bà Hiền phải có nghĩa vụ gửi vào Ngân hàng để sử dụng vào việc thờ cúng sau này, có sự giám sát của các đồng thừa kế.

[8] Buộc ông Trần Nguyễn Khoa phải trả cho bà Trần Thị Mật số tiền 35.840.000đồng;

[9] Buộc bà Trần Thị Hiền và bà Trần Thị Xê mỗi người phải hoàn trả cho bà Mật số tiền 5.120.000đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Nguyễn Khoa phải chịu 112.585.000đồng.

- Bà Trần Thị Hiền phải chịu 30.204.000đồng. Nhưng được xét miễn không phải nộp.

- Bà Trần Thị Mật phải chịu 30.204.000đồng.

- Bà Trần Thị Xê phải chịu 30.204.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định, ngày 30/01/2019 bà Trần Thị Mật và bà Trần Thị Xê kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử giải quyết toàn bộ vụ án.

Ngày 01/3/2019, bà Trần Thị Mật kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giám định chữ ký của ông Trần Đầy và ông Trần Kim Hoàng tại bản di chúc 21/6/2006 với các bút tích tại gần thời điểm theo quy định của pháp luật giám định. Tuyên bản di chúc lập 21/6/2006 là không có hiệu lực, bác toàn bộ đơn phản tố của ông Trần Nguyễn Khoa. Chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 25/3/2019, bà Trần Thị Mật thay đổi đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu giám định chữ ký của ông Trần Đầy tại bản di chúc lập 21/6/2006 do ông Trần Đầy không biết chữ và không yêu cầu giám định chữ ký của ông Trần Kim Hoàng.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Mật thống nhất với nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Mật. Đề nghị, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết toàn bộ vụ án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê về "Tranh chấp chia di sản thừa kế" đối với bà Nguyễn Thị Nhiều, bà Trần Thị Ti Na và ông Trần Nguyễn Khoa về việc chia di sản của cụ bà Huỳnh Thị Cơ theo pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nguyễn Khoa về việc công nhận bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc lập ngày 21/6/2006" là hợp pháp đối với di sản của cụ ông Trần Đầy.

- Công nhận ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 90.8m^2 tọa lạc trên diện tích đất 1095.3m^2, tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 68, địa chỉ kiệt 80 đường Huyền Trân Công Chúa, tổ 56 mới (35 cũ), phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và vật kiến trúc trên đất gồm: Tường rào có diện tích 66.21m^2, cây trồng trên đất là 03 cây xoài, 03 cây mận; có giá trị 7.213.477.825đồng là di sản của cụ ông Trần Đầy và cụ bà Huỳnh Thị Cơ.

- Giao cho ông Trần Nguyễn Khoa được quyền sở hữu, sử dụng 01 (một) ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng; vật kiến trúc, cây xanh và 766.8m^2 đất (trong đó có 532m^2 đất ở và 234.8m^2 đất trồng cây). Ông Trần Nguyễn Khoa phải thối trả chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận cho bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê, bà Trần Thị Hiền mỗi người 4.013.500đồng (trong đó 3.817.000đồng gồm giá trị nhà, tường rào, cây cối trên đất và 196.500đồng giá trị được nhận đất làm tròn số).

- Giao cho bà Trần Thị Hiền, bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê được quyền sử dụng 109.5m^2 đất (trong đó có 76m^2 đất ở và 33.5m^2 đất trồng cây)

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

- Giao việc thờ cúng ông bà cho ông Trần Nguyễn Khoa theo di nguyện của cụ Trần Đầy.

- Không chấp nhận đơn xin miễn án phí cho bà Trần Thị Mật

- Xác định lại án phí của các đương sự theo giá trị di sản được hưởng mà bản án phúc thẩm đã xác định lại.

3. Do sửa án sơ thẩm nên bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Nhiều về chi phí giám định, đo đạc với số tiền 6.575.000 đồng.

5. Các chi phí tố tụng khác được thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận; Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 10/6/2019, bà Trần Thị Mật chấm dứt ủy quyền đối với ông Nguyễn Cao Hùng nên ông Hùng không còn tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Mật. Ngày 25/6/2019, bà Mật yêu cầu luật sư Nguyễn Cao Hùng thuộc Công ty TNHH luật Bảo Ngọc tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mật. Căn cứ các Điều 75, 76 Bộ luật tố tụng dân sự ông Nguyễn Cao Hùng được chấp nhận là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mật.

Người làm chứng ông Trần Minh Tuấn, ông Trần Minh Chín, ông Trần Văn Trọng có yêu cầu giải quyết vắng mặt, người giám định Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn Việt Nam - Văn phòng Đà Nẵng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 229, 230, 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nói trên.

Còn bà Trần Thị Xê, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Mật là ông Nguyễn Thành Tín và ông Nguyễn Cao Hùng tại phần tuyên án vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vắng mặt theo thủ tục chung của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về thời điểm mở thừa kế: Cụ bà Huỳnh Thị Cơ chết ngày 22/6/1993 và cụ ông Trần Đầy chết ngày 19/9/2009. Căn cứ khoản 1 Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 611, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Cơ là ngày 22/6/1993 và cụ Đầy là ngày 19/9/2009.

[2.2] Về thời hiệu thừa kế: Theo đơn yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê; đơn yêu cầu của bị đơn ông Trần Nguyễn Khoa và thời điểm mở thừa kế. Căn cứ khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản đang còn trong thời hiệu thừa kế nên nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Cơ là có căn cứ.

[2.3] Về hàng thừa kế: Các đồng thừa kế của cụ Đầy và cụ Cơ xác định giữa các cụ có 12 người con chung gồm: Bà Trần Thị Giàu, ông Trần Văn Nhân, bà Trần Thị Mỳ, bà Trần Thị Thơm, bà Trần Thị Rơm, ông Trần Văn Chì, ông Trần Văn Bảy và bà Trần Thị Chín đều đã chết và không có vợ, chồng, con cái. Các người con là bà Trần Thị Hiền, bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê đều còn sống và ông Trần Văn Mười (chết năm 2001, có vợ là bà Nguyễn Thị Nhiều và 02 người con bà Trần Thị Ti Na, ông Trần Nguyễn Khoa). Ngoài ra, giữa các cụ không có con nuôi, con riêng, cha mẹ đều đã chết.

Cụ Cơ chết năm 1993 không để lại di chúc, nên những người thuộc hành thừa kế của cụ Cơ gồm: Cụ Đầy, bà Hiền, bà Mật, bà Xê và ông Mười. Do ông Mười chết sau thời điểm cụ Cơ nên bà Nhiều và 02 con là bà Na, ông Khoa được hưởng phần di sản thừa kế của ông Mười được hưởng từ cụ Cơ.

Cụ Đầy chết năm 2009, nhưng do di sản của cụ Đầy được chia theo di chúc và không có người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc nên ông Khoa được hưởng toàn bộ di sản của cụ Đầy.

[2.4] Về di sản thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ ông Trần Đầy và cụ bà Huỳnh Thị Cơ để lại gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng, có diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 95.2m^2 tọa lạc trên lô đất có diện tích 1094.7m^2 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 68, địa chỉ kiệt 80 đường Huyền Trân Công Chúa, tổ 56 mới (35 cũ), phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng được UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714380 ngày 20/6/2006 đứng tên ông Trần Đầy và bà Huỳnh Thị Cơ (chết). Ngoài ra, trên diện tích đất còn có vật kiến trúc là

tường rào có diện tích 66.21m^2 và cây trồng là 03 cây xoài, 03 cây mận. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 09/10/2018 của Công ty cổ phần Thẩm định giá và Tư vấn Việt Nam - Văn phòng Đà Nẵng có tổng giá trị tài sản là 7.210.639.000đồng. Trong đó giá trị quyền sử dụng đất 7.171.380.000đồng, công trình xây dựng 37.387.000đồng (nhà ở 23.562.000đồng, tường rào 13.825.000đồng) và cây xanh 1.872.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 29/5/2019, bị đơn bà Nhiều đề nghị tạm ngừng phiên tòa, yêu cầu Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng giám định, đo đạc lại toàn bộ diện tích nhà, đất. Theo kết quả đo đạc tại sơ đồ vị trí thửa đất, đất ngày 25/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật và Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng thì diện tích đất là 1095.3m^2 và 01 ngôi nhà có diện tích xây dựng là 90.8m^2. Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xác định di sản của cụ ông Trần Đầy và cụ bà Huỳnh Thị Cơ để lại như sau: 01 ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng, có diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 90.8m^2 tọa lạc trên lô đất có diện tích 1095.3m^2 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 68, địa chỉ kiệt 80 đường Huyền Trân Công Chúa, tổ 56 mới (35 cũ), phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, trên diện tích đất có vật kiến trúc là tường rào có diện tích 66.21m^2 và cây xanh là 03 cây xoài, 03 cây mận. Các đương sự thống nhất xác định tổng giá trị tài sản là 7.213.480.300đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 7.175.310.300đồng, giá trị công trình xây dựng là 36.298.000đồng (nhà ở 22.473.000đồng, tường rào 13.825.000đồng) và giá trị cây xanh là 1.872.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nhiều có yêu cầu trích số tiền có giá trị tương đương 100m^2 đất từ di sản của cụ Đầy và cụ Cơ để gửi vào Ngân hàng, giao khoản tiền này cho bà Hiền quản lý để chi phí thờ cúng sau này. Đề nghị của Nhiều liên quan đến di sản của cụ Cơ nhưng bà Mật, bà Xê không thống nhất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại trích ra một phần giá trị tài sản tương đương với giá trị 94,7m^2 cùng với giá trị của vật kiến trúc và cây trồng để làm tài sản phục vụ việc thờ cúng từ khối tài sản chung của cụ Cơ và cụ Đầy là trái với ý chí của bà Mật, bà Xê, làm cho việc xác định di sản còn lại và phân chia di sản của cụ Cơ và cụ Đầy không chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, dẫn đến việc tính án phí đối với các đương sự không đúng nên kháng cáo về nội dung này của bà Mật và bà Xê là có căn cứ.

[2.5] Cụ Cơ chết không để lại di chúc nên phần di sản của cụ Cơ được xác định là ½ tài sản trong khối tài sản chung giữa cụ với cụ Đầy và được chia theo pháp luật. Di sản của cụ Cơ được chia đều cho 05 đồng thừa kế gồm: Cụ Đầy, bà Hiền, bà Mật, bà Xê và ông Mười (có hàng thừa kế là bà Nhiều và bà Na, ông Khoa).

[2.6] Cụ Đầy chết năm 2009, có lập bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" để lại toàn bộ tài sản của ông cho cháu nội Trần Nguyễn Khoa.

[2.6.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Mật cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mật, bà Xê tại phiên tòa cho rằng chữ ký của cụ Trần Đầy tại bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" không phải của cụ Đầy và cụ Đầy là người không biết chữ, nên đề nghị không công nhận bản di chúc ngày 21/6/2006 và chia toàn bộ di sản của cụ Cơ và cụ Đầy theo pháp luật, thì thấy:

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Mật, bà Xê không thừa nhận chữ ký của cụ Đầy tại bản di chúc là "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" và không có yêu cầu giám định chữ ký, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Mật đã yêu cầu giám định chữ ký của cụ Đầy; tại phiên tòa phúc thẩm mở ngày 29/5/2019 người đại diện theo ủy quyền của bà Mật yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của người làm chứng ông Trần Kim Hoàng tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006". Tòa án cấp phúc thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký của cụ Trần Đầy; Trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Trần Kim Hoàng tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" để xác định có phải do cùng một người viết và ký ra hay không?.

+ Đối với chữ ký của cụ Trần Đầy: Tại Kết luận giám định số 19/GĐ-TL ngày 09/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng đã kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Đầy dưới mục "Người để lại di chúc" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" so với chữ ký của Trần Đầy trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M3 có phải do một người cùng ký ra hay không.

+ Đối với chữ ký và viết của ông Trần Kim Hoàng: Tại Kết luận giám định số 557/C09C(DD6) ngày 24/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đã kết luận: Chữ ký ghi họ tên Trần Kim Hoàng dưới nội dung "Xác nhận lời di chúc … chi III đồng ý" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) và chữ ký đứng tên Trần Kim Hoàng dưới mục "Người làm chứng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M8) do cùng một người ký ra. Chữ viết ghi họ tên Trần Kim Hoàng dưới nội dung "Xác nhận lời di chúc … chi III đồng ý" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) và chữ viết đứng tên ông Trần Kim Hoàng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M8) do cùng một người viết ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Xê, bà Mật cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mật không có ý kiến tranh luận gì về nội dung của các bản kết luận giám định.

Cũng tại phiên tòa, nguyên đơn bà Mật đã thừa nhận các chữ ký trên các tài liệu mẫu giám định tại Kết luận giám định số 19/GĐ-TL ngày 09/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng gồm: 01 Đơn xin tách thửa đất, hợp thửa đất ngày 15/02/2006; 01 Biên bản tự chọn vị trí đất ở và đất cây lâu năm (hằng năm) ngày 25/4/2006 và 01 Biên bản mô tả ranh giới thửa đất ngày 21/3/2006 đều có

chữ ký của cụ Trần Đầy, có tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 714380 ngày 20/6/2006 do Văn phòng đăng ký đất đai tại quận Ngũ Hành Sơn lưu trữ là chữ ký của cụ Đầy và bà đã trực tiếp chứng kiến ông Đầy ký vào các văn bản nói trên sau khi được cán bộ địa chính đọc cho cụ Đầy nghe để làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng theo bà thì cụ Đầy chỉ ký được những chữ ký đơn giản còn viết thì không được. Bà Mật có cung cấp cuộc ghi âm mà theo bà đã ghi âm được cuộc đối thoại giữa bà với ông Trần Thanh Sơn, có nội dung ông Trần Thanh Sơn và bà Trần Thị Hiền khẳng định cụ ông Trần Đầy không biết chữ và đề nghị Hội đồng xét xử mở nghe đoạn ghi âm để chứng minh cho việc cụ Đầy không biết chữ. Hội đồng xét xử mở nghe đoạn ghi âm nhưng nội dung tại đoạn ghi âm không nghe rõ. Còn ông Sơn, bà Hiền vẫn khẳng định cụ ông Trần Đầy là người biết chữ. Các đương sự không có yêu cầu giám định đoạn ghi âm. Mặt khác, chứng cứ do bà Mật cung cấp không đúng quy định tại khoản 2 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Như vậy, việc nguyên đơn bà Mật cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mật, bà Xê cho rằng không phải chữ ký của cụ Đầy tại bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trên cơ sở lời khai và thừa nhận của các đương sự, xem xét toàn diện các chứng cứ, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Đặng Quang Chính (là cháu ngoại của cụ Đầy) xác nhận chữ viết tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" là chữ viết của ông, được cụ Đầy nhờ ông viết hộ và viết theo ý chí của cụ Đầy, tại thời điểm viết di chúc cụ Đầy hoàn toàn minh mẫn, không bị ai ép buộc, có người làm chứng là ông Trần Thanh Sơn và ông Trần Kim Hoàng đại diện tộc họ ký tên, xác nhận làm chứng. Các người làm chứng ông Trần Thanh Sơn và vợ, con của ông Trần Kim Hoàng cũng đều xác định chữ ký của ông Trần Kim Hoàng (ông Hoàng đã chết) tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006"; đồng thời ông Trần Thanh Sơn cũng đã chứng kiến cụ Trần Đầy tự tay ký vào bản di chúc và xác nhận nội dung di chúc để lại tài sản cho cháu nội Trần Nguyễn Khoa là đúng ý chí của cụ Đầy trước mặt ông và ông Trần Kim Hoàng, cùng ký và xác nhận vào bản di chúc. Bên cạnh đó người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Hiền cũng xác nhận cụ Đầy là người biết chữ và chữ ký tại "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" là của cụ Đầy. Mặt khác, ông Trần Thanh Sơn, ông Trần Văn Trọng đều khai nhận cũng như lời trình bày của ông Trần Văn Chín, ông Trần Minh Tuấn có tại hồ sơ vụ án đều thừa nhận trước đây cụ Trần Đầy đã có công lớn trong việc vận động, quyên góp tiền của con cháu trong tộc và ghi chép việc thu chi trong quá trình xây dựng nhà thờ, tất cả những điều đó đã chứng minh cụ Đầy là người biết chữ. Ông

Võ Tưởng xác nhận ông là người đã được cụ Đầy cho xem các bản di chúc có nội dung là để lại tài sản cho cháu nội Trần Nguyễn Khoa.

Từ những viện dẫn nêu trên có đủ căn cứ xác định bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" của cụ Đầy để lại về hình thức và nội dung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 652, 653, 656 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định di chúc được coi là hợp pháp thì có đủ các điều kiện như: Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép; nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật; di chúc có người viết hộ, người để lại di chúc ký và có người làm chứng xác nhận. Do đó, bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" là di chúc bằng văn bản có người làm chứng được quy định tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, kháng cáo của bà Mật cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích của bà Mật, bà Xê cho rằng bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" của cụ Đầy để lại không hợp pháp, do không phải chữ ký của cụ Đầy nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặt khác, trước khi lập bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006" thì cụ Đầy cũng đã chia cho mỗi người con gái và cháu nội gái một phần đất, bà Mật, bà Xê đều đã được cha mình cho đất, điều này đã được các bên đương sự thừa nhận. Trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hai lần cụ Đầy lập di chúc: Lần thứ nhất vào năm 2005 tại bản di chúc này cụ Đầy để lại tài sản là nhà, đất cho các cháu nội là Trần Thị Ti Na và Trần Nguyễn Khoa có bà Hiền, bà Xê cùng ký vào, nhưng do có sự thay đổi về việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/6/2006 nên đã lập lại bản di chúc vào ngày 21/6/2006 để lại cho ông Khoa. Điều này cũng thể hiện ý chí của cụ Đầy là để lại tài sản nhà, đất cho cháu nội là ông Trần Nguyễn khoa.

[2.6.2] Tuy nhiên, bản di chúc ngày 21/6/2006 của cụ Đầy để lại toàn bộ tài sản nhà và đất cho cháu nội Trần Nguyễn Khoa là không phù hợp với quy định của pháp luật, chỉ hợp pháp có giá trị đối với phần di sản của cụ Đầy. Bởi vì nhà, đất nói trên là tài sản chung giữa cụ Đầy và cụ Cơ (cụ Cơ đã chết trước, cụ Đầy không có quyền định đoạt phần di sản của cụ Cơ). Cụ Đầy chỉ có quyền định đoạt ½ di sản là giá trị tài sản trong khối tài sản chung giữa cụ và cụ Cơ, việc cụ Đầy lập di chúc giao lại toàn bộ tài sản cho cháu nội Trần Nguyễn Khoa là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bản di chúc ngày 21/6/2006 của cụ Đầy chỉ có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Đầy.

[2.7] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử phân chia di sản theo hiện vật, mỗi kỷ phần sẽ được xác định phân chia như sau:

[2.7.1] Di sản thừa kế của cụ Cơ được chia theo pháp luật và chia cho 05 phần bằng nhau cho 05 đồng thừa kế, gồm: Cụ Đầy, bà Hiền, bà Mật, bà Xê và ông Mười.

Di sản của cụ Cơ được xác định là ½ tài sản chung giữa cụ và cụ Đầy, cụ thể: 547.65m^2 đất (trong đó có 380m^2 đất ở và 167.65m^2 đất trồng cây), có giá trị 3.587.655.150đồng và ½ giá trị công trình xây dựng (nhà ở và tường rào), cây xanh là 19.085.000đồng. Tổng giá trị di sản là 3.606.740.150đồng.

Như vậy, mỗi kỷ phần được chia bằng hiện vật là 109.53m^2 đất, có giá trị 717.531.000đồng và một phần giá trị công trình xây dựng, cây xanh là 3.817.000đồng. Giá trị mỗi kỷ phần được nhận là 721.348.000đồng.

Tuy nhiên, để thuận lợi trong việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử chia cho các bà Xê, bà Mật, bà Hiền mỗi người được nhận diện tích đất là 109.5m^2 (trong đó có 76m^2 đất ở và 33.5m^2 đất trồng cây), có giá trị 717.344.500đồng và được nhận giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế là 4.013.500đồng.

Đối với phần của ông Mười được hưởng, các đồng thừa kế bà Nhiều, bà Na tự nguyện nhượng lại phần được hưởng cho ông Khoa. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.7.2] Di sản thừa kế của cụ Đầy được chia theo bản di chúc "Tờ văn tự - di chúc ngày 21/6/2006", nhưng di chúc của cụ Đầy chỉ có hiệu lực đối với phần di sản của cụ Đầy và để lại toàn bộ di sản cho ông Trần Nguyễn Khoa. Di sản của cụ Đầy được xác định là ½ tài sản chung giữa cụ và cụ Cơ gồm: 547.65m^2 đất (trong đó có 380m^2 đất ở và 167.65m^2 đất trồng cây) + ½ giá trị công trình xây dựng (nhà ở và tường rào), cây xanh là 19.085.000đồng, có giá trị là 3.606.740.150đồng và kỷ phần của cụ Đầy được hưởng thừa kế của cụ Cơ là 109.53m^2 đất và giá trị công trình xây dựng, cây xanh là 3.817.000đồng. Tổng cộng, di sản của cụ Đầy để lại cho ông Trần Nguyên Khoa theo di chúc là 657.18m^2 đất (trong đó 456m^2 đất ở và 201.18m^2 đất trồng cây), có giá trị 4.305.186.180đồng và giá trị công trình xây dựng (nhà ở + tường rào), cây trồng trên đất là 22.902.000đồng, có tổng giá trị 4.328.088.180đồng.

Theo bản di chúc ngày 21/6/2006 có nội dung: "*Nếu sau này cháu Khoa gặp khó khăn là phải bán đi tài sản đó để giải quyết khó khăn thì phải để lại một phần làm nhà thờ ông bà với diện tích phải được 200m^2. Hoặc nhà nước có giải tỏa thì cũng phải mua lại lô đất làm nhà thờ*". Do đó, xét thấy bản di chúc của cụ Đầy để lại là di chúc có điều kiện nhưng chưa xảy ra nên giao toàn bộ phần di sản của cụ Đầy cho ông Khoa được quyền sở hữu, sử dụng. Nếu sau này có phát sinh điều kiện của di chúc thì được giải quyết thành vụ kiện dân sự khác. Di chúc của cụ Đầy có nguyện vọng giao việc thờ cúng cho ông Khoa, ông Khoa là cháu nội trai và được hưởng phần lớn tài sản theo di chúc nên giao việc thờ cúng cho ông Khoa là hợp lý. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận đề nghị của bà Mật về việc giao việc thờ cúng cho bà.

Tuy nhiên, đối với phần công trình xây dựng, cây xanh không thể phân chia bằng hiện vật và cũng theo nguyện vọng của cụ Đầy là để lại toàn bộ tài sản cho ông Khoa. Do đó, Hội đồng xét xử giao công trình xây dựng trong đó có ngôi nhà, tường rào và cây xanh cho ông Khoa, đồng thời ông Khoa phải có nghĩa vụ thối trả phần chênh lệch kỷ phần giá trị công trình xây dựng và cây xanh được nhận cho Xê, bà Mật, bà Hiền mỗi người được nhận là 3.817.000đồng.

Như vậy, phần diện tích nhà, đất ông Khoa được nhận gồm: Phần di sản được hưởng theo di chúc của cụ Đầy và kỷ phần của ông Khoa được nhận của ông Mười từ việc chia di sản thừa kế của cụ Cơ, cụ thể: 766.8m^2 đất (trong đó 532m^2 đất ở và 234.8m^2 đất trồng cây), (*có sơ đồ kèm theo*), có giá trị 5.023.306.800đồng và công trình xây dựng (01 ngôi nhà cấp 4 và tường rào), cây xanh, có giá trị 26.719.000đ. Tổng giá trị tài sản ông Khoa được nhận là 5.050.025.800đồng.

Đồng thời, ông Khoa có nghĩa vụ thối trả cho bà Xê, bà Mật, bà Hiền chênh lệch kỷ phần thừa kế cho mỗi người được nhận 4.013.500đồng.

[2.7.4.2] Trên phần diện tích đất của bà Hiền, bà Mật, bà Xê được nhận có một phần kiến trúc (tường rào) nhưng giá trị này rất nhỏ nên bà Nhiều không có yêu cầu tính giá trị phần này mà tự nguyện giao cho các đương sự. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.7.4.3] Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì các bên được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí đối với kỷ phần được nhận, cụ thể:

+ Ông Trần Nguyễn Anh Khoa được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 5.050.025.800đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.050.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 14.000.000đồng đã nộp tại Biên lai thu số 001840 ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Số tiền còn lại phải tiếp tục nộp là 99.050.000đồng.

+ Các bà Trần Thị Hiền, Trần Thị Mật, Trần Thị Xê mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị là 721.348.000đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.853.900đồng.

Bà Trần Thị Hiền được xét miễn nộp tiền án phí do người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.3] Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: 51.200.000đồng, số tiền này bà Trần Thị Mật đã chi ra số tiền 50.000.000đồng cho Công ty cổ phần thẩm định giá và tư vấn Việt Nam - Văn phòng Đà Nẵng và 1.200.000đồng cho chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp và đã chi). Ông Khoa phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mật số tiền 35.840.000đồng; Bà Hiền và bà Xê mỗi người phải hoàn trả cho bà Mật số tiền 5.120.000đồng, còn lại 5.120.000đồng bà Mật phải chịu.

[3.4] Về chi phí giám định:

+ Bà Trần Thị Mật phải chịu chi phí giám định chữ ký và chữ viết là 5.510.000đồng (đã nộp và đã chi). Trong đó 510.000đồng chi phí giám định đối với chữ ký của Trần Đầy theo phiếu thu ngày 09/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và 5.000.000đồng chi phí giám định chữ ký và chữ viết của Trần Kim Hoàng theo phiếu thu ngày 24/6/2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn Thị Nhiều tự nguyện chịu số tiền 6.575.000đồng về chi phí giám định, đo đạc theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0099014 ngày 26/6/2019 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng (đã nộp và đã chi).

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308, các Điều 147, 148, 229, 230, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 75, 76, khoản 2 Điều 95, 631, 646, 647, 648, 656, khoản 5 Điều 667, 670, 674, 675, 676, 684, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"* của bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê đối với bà Nguyễn Thị Nhiều, bà Trần Thị Ti Na và ông Trần Nguyễn Khoa về việc chia di sản của cụ bà Huỳnh Thị Cơ theo pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nguyễn Khoa về việc công nhận bản di chúc *"Tờ văn tự - di chúc lập ngày 21/6/2006"* là hợp pháp đối với di sản của cụ ông Trần Đầy.

2. Công nhận 01 (một) ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng, diện tích xây dựng và diện tích sử dụng 90.8m^2 tọa lạc trên diện tích đất 1095.3m^2, tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 68, địa chỉ kiệt 80 đường Huyền Trân Công Chúa, tổ 56 mới (35 cũ), phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng và vật kiến trúc trên đất gồm: Tường rào có diện tích 66.21m^2, cây trồng trên đất là 03 cây xoài, 03 cây mận; có giá trị 7.213.477.825đồng là di sản của cụ ông Trần Đầy và cụ bà Huỳnh Thị Cơ.

(Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng cấp số AĐ 714380 ngày 20/6/2006 đứng tên ông Trần Đầy và bà Huỳnh Thị Cơ (chết)).

3. Giao cho ông Trần Nguyễn Khoa được quyền sở hữu, sử dụng 01 (một) ngôi nhà cấp 4, tường xây, mái ngói, nền ci măng; vật kiến trúc, cây xanh và 766.8m^2 đất (trong đó có 532m^2 đất ở và 234.8m^2 đất trồng cây). (*Có sơ đồ kèm theo và phần diện tích nhà, đất được nhận ký hiệu A*).

4. Buộc ông Trần Nguyễn Khoa phải thối trả chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận cho bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê, bà Trần Thị Hiền mỗi người 4.013.500đồng (bốn triệu, không trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Giao cho bà Trần Thị Hiền, bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê mỗi người được quyền sử dụng 109.5m^2 đất (trong đó có 76m^2 đất ở và 33.5m^2 đất trồng cây). *(Có sơ đồ kèm theo và phần diện tích đất của bà Hiền được nhận ký hiệu là B, bà Mật được nhận ký hiệu là C, bà Xê được nhận ký hiệu là D).*

Đồng thời mỗi người được nhận số tiền 4.013.500đồng (bốn triệu, không trăm mười ba nghìn, năm trăm đồng) do ông Trần Nguyễn Khoa thối trả.

6. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xác lập quyền sử dụng đất và ghi nhận tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Trường hợp, thửa đất nằm trong diện bị Nhà nước thu hồi giải tỏa thì các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các vấn đề liên quan đến giải tỏa, đền bù và bố trí tái định cư.

7. Về án phí dân sự:

7.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Nguyễn Anh Khoa phải chịu là 113.050.000đồng (một trăm mười ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng) đã nộp tại Biên lai thu số 001840 ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Số tiền án phí còn lại phải tiếp tục nộp là 99.050.000đồng (chín mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Trần Thị Mật phải chịu là 32.853.900đồng (ba mươi hai triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm đồng).

+ Bà Trần Thị Xê phải chịu là 32.853.900đồng (ba mươi hai triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, chin trăm đồng).

+ Bà Trần Thị Hiền được miễn nộp tiền án phí.

7.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Mật, bà Trần Thị Xê mỗi người 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại các biên lai thu số 0001953 ngày 11/02/2019, biên lai thu số 0001952 ngày 11/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

8. Buộc ông Trần Nguyễn Khoa phải hoàn trả cho bà Trần Thị Mật số tiền chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 35.840.000đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

9. Buộc bà Trần Thị Hiền, bà Trần Thị Xê mỗi người phải hoàn trả cho bà Trần Thị Mật số tiền chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 5.120.000đồng (năm triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

10. Bà Trần Thị Mật phải chịu chi phí giám định chữ ký và chữ viết là 5.510.000đồng (năm triệu, năm trăm trăm mười nghìn đồng), (đã nộp và đã chi).

11. Bà Nguyễn Thị Nhiều tự nguyện chịu số tiền 6.575.000đồng (sáu triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) về chi phí giám định, đo đạc (đã nộp và đã chi).

12. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

13. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**